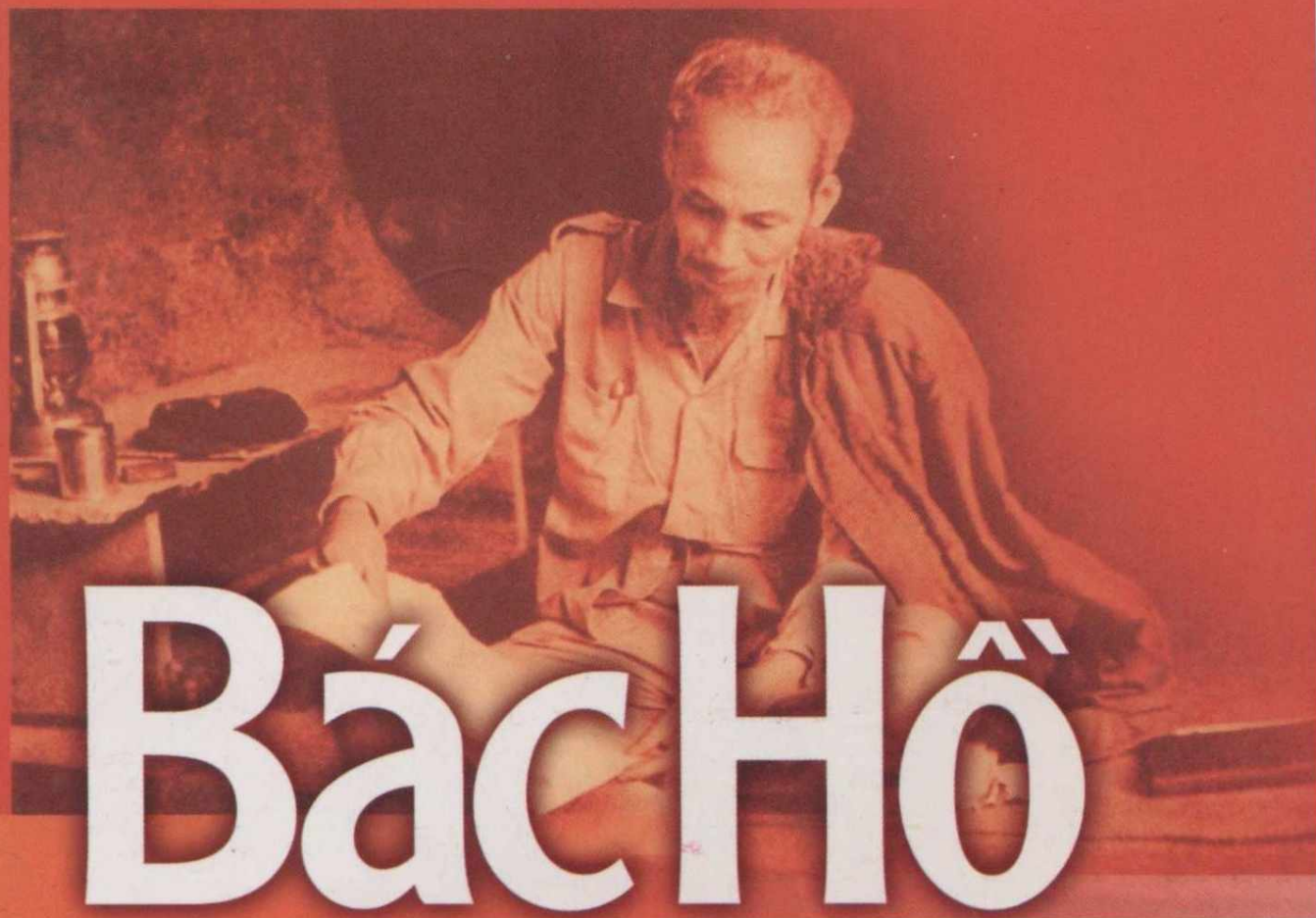


VŨ CHÂU QUẢN



Bách Hồ

với Việt Bắc

& Trào lưu thơ ca cách mạng

**BÁC HỒ VỚI VIỆT BẮC VÀ
TRÀO LƯU THƠ CA CÁCH MẠNG**

Lời nói đầu

Vốn là một cán bộ miền xuôi ở Châu thổ sông Hồng, được bộ Giáo dục cử đi công tác miền núi để góp phần đào tạo một đội ngũ giáo viên trung học cho các tỉnh Việt Bắc và Tây Bắc, trong những năm tháng chiến tranh đang ở thời kỳ rất ác liệt, lòng tôi thật trăm ngả băn khoăn. Một trong những băn khoăn ấy là: Người thầy ở một trường chuyên nghiệp, ngoài việc chăm lo đào tạo sinh viên về văn hoá, nghiệp vụ còn phải lo sao rèn luyện sinh viên có một năng lực nghiên cứu khoa học để một mai về các trường phổ thông có thể đáp ứng được mọi vấn đề chuyên môn trên đà phát triển của giáo dục và của xã hội. Muốn cho công tác nghiên cứu có kết quả thì vai trò tổ chức, kiểm tra, thử nghiệm... là rất quan trọng và người thầy phải gương mẫu làm trước. Kết quả nghiên cứu có thể được biểu hiện qua nhiều hình thức, nhiều cách nhưng thường là qua giáo trình, sách báo... có chất lượng, có giá trị thông tin cao. Bốn mươi năm ở miền núi, kể cả năm tháng tại chức và nghỉ hưu (1967 - 2007), tôi đã cho xuất bản gần hai chục quyển sách (trong đó có quyển được tái bản nhiều lần, có quyển đoạt giải thưởng toàn quốc với đề tài chủ yếu là Hồ Chủ tịch với thơ ca và báo chí cách mạng như: **Thơ ca chiến khu của Chủ tịch Hồ Chí Minh** (2000, 2001, 2003); **Bác Hồ với mảnh đất chiến khu xưa** (2005); **Bác Hồ với báo "Việt Nam độc lập"** (2006)...)

và 160 bài viết đăng trên 15 tờ báo và tạp chí... Giờ đây, dù tuổi cao sức yếu tôi vẫn viết, viết để bổ sung tư liệu, để điều chỉnh tư duy, cảm xúc. Quyển sách này góp phần thể hiện ý tưởng đó.

Quyển sách không dành nhiều trang cho việc sưu tầm, tuyển chọn tác phẩm, vì công việc này, người viết đã từng nhắc đến trong một số công trình khác.

Tác giả

PHẦN THỨ NHẤT

NGHIÊN CỨU - TIỂU LUẬN

I. BỐI CẢNH CỦA THƠ CA

Nhân dân các dân tộc Việt Bắc bao gồm chủ yếu là người Tày, Nùng rồi đến Kinh, Dao, Mông... sống xen kẽ với nhau trên một dải đất mênh mông rộng lớn ở phía Bắc Tổ quốc, gồm 6 tỉnh cũ: Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái, vốn có truyền thống đã bao đời cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, cùng nhau xiết chặt hàng ngũ chống kẻ thù chung. Núi sông hiểm trở của Việt Bắc trở nên "địa lợi" vững vàng, đã từng tấn công và chôn vùi bao xác giặc ngoại xâm vì có "nhân hoà" chặt chẽ:

"Núi sông hiểm, lòng người chặt chẽ."

(thơ Hoàng Văn Thụ)

Lịch sử còn ghi những trang rực rỡ về: Như Nguyệt (sông Cầu), Chi Lăng, Bắc Sơn, Đông Khê, Sông Lô... "Tên đất nước đã trở thành tên chiến thắng" (thơ Xuân Diệu).

Mỗi dân tộc có ngôn ngữ riêng, nhưng đều dùng ngôn ngữ phổ thông trong quan hệ giao tiếp. Đó là những thuận lợi lớn của cách mạng, đồng thời cũng là thuận lợi của thơ ca và báo chí cách mạng. Thơ ca bằng tiếng phổ thông chiếm tỉ lệ lớn hơn và được phổ biến ở nhiều nơi.

Các dân tộc đều có nền văn hoá phong phú, độc đáo nhưng "thơ là một bộ môn xuất hiện sớm hơn cả. Thơ có thể coi như một binh chủng đi tiên phong trong đội quân văn nghệ các dân tộc thiểu số ở miền núi; thơ không những chỉ phản ánh hiện thực cuộc sống mà còn

là những lời hát bằng nhiều làn điệu dân tộc. Những người thích đọc thơ, nghe thơ và cả làm thơ cũng là người say sưa nghe hát và tham gia hát. Dân tộc nào cũng có tình hình tương tự như thế⁽¹⁾.

Thơ gắn liền với ca. Đất nước tươi đẹp, hùng vĩ và cuộc sống phong phú đã tạo nên những vần thơ đẹp, đồng thời cũng là những khúc ca hay của một cộng đồng "Thi ca nhiều tiếng, áo nhiều màu" (thơ Nông Quốc Chấn).

Thiên nhiên giàu có:

Ruộng nương, hoa trái đầy đồi núi

Mỏ vàng, mỏ sắt xếp từng hàng⁽²⁾

(thơ Hoàng Văn Thụ)

đã ưu đãi nhân dân các dân tộc Việt Bắc rất nhiều. Nhưng trước Cách mạng tháng Tám, đế quốc rồi phát xít cùng với bọn phong kiến và tay sai đã tìm cách cướp đoạt bao của cải và gây nhiều đau thương, căm giận.

Hoàng Đức Hậu⁽³⁾, một nhà thơ người dân tộc Tày, tuy lúc đó có những nhận thức còn hạn chế về phong

⁽¹⁾ Nông Quốc Chấn: *Mấy vấn đề về văn học các dân tộc thiểu số*, Tạp chí Văn học, tháng 10.1964, tr.39.

⁽²⁾ Nguyên văn tiếng Tày:

Nà slày mảy mác tằm pàn đồng

Bó kim, bó lếch pải pên hàng

(bài *Bản đồ nước Việt*)

⁽³⁾ *Thơ Hoàng Đức Hậu*, Nông Quốc Chấn sưu tầm, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1961.

Hoàng Đức Hậu (1890 - 1945) là một ông đồ nho, nhưng lại trực tiếp tham gia sản xuất. Ông chống quan lại, cường hào áp bức

trào cách mạng, cũng đã ghi được một số bức tranh hiện thực về cảnh lầm than đương thời, chẳng hạn như cảnh phu phen:

*Mãng đấng rồi sao? Chưa đấng đâu:
Đấng phu; Chuyển đất ngày, đêm trâu
Tay đưa cuốc xẻng như luồng nước
Vai gánh đòn quang tựa vó câu
Vực thăm thăm tâm, cầu bắc thẳng
Đèo cao muôn trượng, ao đào sâu
Thân ai cũng tím mình sần sất
Còn bọn cầm roi ộp trước sau.*

ĐẮNG PHU⁽⁴⁾

nhân dân Tày, nên đã từng bị tù. Ông làm nhiều bài thơ Luật bằng tiếng mẹ đẻ. Thơ ông đề cao người lao động, nói lên cảnh lao khổ của họ. Ông ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, chống lại chế độ tàn bạo của đế quốc và quan lại... Ông đã công kích nhiều hủ phong, hủ tục phong kiến, nhất là bài xích đầu óc mê tín dị đoan. Thơ ông dí dỏm, kín đáo, mộc mạc, có nhiều đặc tính dân tộc... (Dựa vào nhận định của tập "Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam 1930 - 1945, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1964, tr. 97).

⁽⁴⁾ Theo bản dịch của Triều Ân, nguyên văn bằng tiếng Tày:

*Mảy ca khôm nò páy dủ khôn
Khôm phu: vắn cẳm tháp tham tôm
Tấu mừng cuốc sản quay luồng nặm
Nừa bá cân quang pảo mạ lôm
Tả lặc xiên và mền hát cấu
Khau slung vạn xường cuốc pên thôm
Mọi cầu pản pốc đang pja pả
Nhịng pỏ cẳm piên chắc dặng dôm.*

Cuộc sống cơ cực tất nhiên dẫn tới sự vùng dậy của nhân dân các dân tộc, mà các cuộc khởi nghĩa như khởi nghĩa Thái Nguyên, nhất là khởi nghĩa Bắc Sơn (1940) đã có sức vang động và tác dụng to lớn trong toàn quốc.

Sự vùng dậy của nhân dân Bắc Sơn⁽⁵⁾ dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, tiếp theo là cuộc chiến đấu cực kỳ gian khổ nhưng vô cùng dũng cảm của *Cứu quốc quân*, tiền thân của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, đã dẫn đến sự hình thành và phát triển của căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, một trong những căn cứ địa chủ chốt của Đảng ta đang trong công cuộc khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa toàn quốc⁽⁶⁾.

⁽⁵⁾ Ngày 22.9.1940, phát xít Nhật đem quân tiến đánh Lạng Sơn, đồng thời cho 6.000 quân đổ bộ lên Đồ Sơn, Hải Phòng. Sau vài trận thử sức nhỏ ở vùng biên giới Việt - Trung, Toàn quyền Đờcu vôi vã theo gương đồng loã của chúng ở Pháp, quỳ gối đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Khi quân Nhật đánh vào Lạng Sơn, quân Pháp chạy qua đường Bắc Sơn về Thái Nguyên... Nắm được cơ hội đó, ngày 27.9.1940 nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, đã kịp thời nổi dậy tước vũ khí của tàn quân Pháp.

⁽⁶⁾ **Bắc Sơn - Võ Nhai** là hai châu tiếp giáp của hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên. Ở đây nhân dân bị thực dân Pháp và bè lũ tay sai áp bức, bóc lột thậm tệ. Trong những năm 1935 - 1937, Đảng ta đã cử cán bộ đến Bắc Sơn, Võ Nhai xây dựng cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng của Đảng. Đến năm 1940, nhiều xã trong hai châu đã có cơ sở chính trị vững vàng. Phong trào cách mạng từ năm 1935 sôi nổi, liên tục. Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, các đồng chí ủy viên Thường vụ và uỷ viên Trung ương Đảng như: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh... thường qua lại nhiều lần và trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng.

Phong trào đấu tranh liên tục của nhân dân Cao Bằng với một cơ sở chính trị vững vàng từ sau ngày thành lập Đảng (3.2.1930) đã chuẩn bị tiền đề cho một trung tâm căn cứ địa cách mạng được Hồ Chủ tịch cân nhắc, lựa chọn và trực tiếp phụ trách cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh... ⁽⁷⁾.

Hai căn cứ địa này đã lớn mạnh nhanh chóng, mấy năm sau kháng Nhật trở thành *khu giải phóng* - một hình thái phát triển hoàn chỉnh của căn cứ địa Việt Bắc.

Trong vòng tám tháng, từ tháng 9.1940 đến tháng 5.1941, nhân dân các dân tộc Việt Bắc đã chứng kiến và vinh dự chào đón những sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử to lớn:

- Ngày 27.9.1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ;

- Ngày 8.2.1941, một ngày xuân "Trắng rừng biên giới nở hoa mơ" (thơ Tố Hữu), Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam;

⁽⁷⁾ **Cao Bằng** là một trong những tỉnh biên giới đặt dưới chế độ *Đạo quan binh* (một từ đương thời thường dùng) của Pháp. Ở đây, nhân dân đã nhiều lần vùng dậy chống ách áp bức, bóc lột. Ngày 1.4.1930, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên của Cao Bằng được thành lập ở Năm Lìn (Hoà An). Cùng năm đó, chi bộ Đảng ra đời ở mỏ Tĩnh Túc. Cũng như Bắc Sơn - Võ Nhai, phong trào cách mạng ở Cao Bằng có những bước khó khăn do chính sách khủng bố của kẻ thù, nhưng đã lớn mạnh không ngừng. Cuối năm 1940, khi còn đang ở Tĩnh Túc (Quảng Tây), sau khi xem xét các điều kiện cụ thể, Hồ Chủ tịch đã quyết định chọn Cao Bằng làm căn cứ địa cách mạng.

- Ngày 10.5.1941, Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng họp ở Pắc Bó do Hồ Chủ tịch trực tiếp chủ trì, quyết định những vấn đề cực kỳ trọng đại, quan hệ đến vận mệnh của cả nước và có tác dụng trực tiếp đến phong trào cách mạng Việt Bắc;

- Ngày 19.5.1941, mặt trận Việt Minh chính thức ra đời, phát cao lá cờ đỏ sao vàng, kêu gọi toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhật, cứu nước, cứu nhà.

Những sự kiện trên đây có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của thơ ca cách mạng Việt Bắc trong thời kỳ này.

Thơ ca cách mạng Việt Bắc đã có cơ sở từ trước, ví dụ: Đồng chí Hoàng Đình Giọng là một trong những người xây dựng cơ sở Đảng đầu tiên ở Cao Bằng, đồng thời còn là một "nhà thơ cổ động". Đồng chí Hoàng Văn Thụ trong những năm từ 1938 đến 1941, khi trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng ở Lạng Sơn, ở Bắc Sơn - Võ Nhai đã làm nhiều thơ ca động viên, giáo dục quần chúng.

Nhưng thơ ca cách mạng Việt Bắc *lớn mạnh nhanh chóng phải kể từ năm 1941 trở đi*. Đất nước chuyển mình như vũ bão. Các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ban đầu do Hồ Chủ tịch trực tiếp phụ trách được liên tiếp mở. Các cơ sở Đảng được củng cố và phát triển.

Quần chúng hăng hái, phấn khởi tham gia các hội cứu quốc. Cách mạng thật sự là ngày hội lớn.

Thơ ca cần ứng đáp và thúc đẩy luồng sinh khí chính trị mạnh mẽ đó. Thơ ca trong tài liệu tuyên

truyền, huấn luyện. Thơ ca trên báo chí bí mật. Thơ ca trong các cuộc mít tinh dưới ánh đuốc sáng rực trong rừng sâu hay dưới nắng mai tươi đẹp. Thơ ca trong các buổi sinh hoạt, ngay cả trước giờ nổ súng của Cứu quốc quân, tiền thân của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Thơ ca trên đỉnh non cao của các cán bộ tạm thời phải rời xa làng bản trước sự khủng bố của giặc...

Tình thế khẩn trương của cách mạng yêu cầu những sáng tác kịp thời. Trên tám trăm bài bước đầu tập hợp lại theo một số trọng điểm, tuy đôi chỗ có những ý trùng nhau, nhưng mỗi bài đều có những nét riêng biệt.

Trong số đó không phải hoàn toàn đều là thơ, vì có bài là tài liệu tuyên truyền viết theo thể văn vần, có bài là ca mà tác giả phải điều khiển ngôn ngữ cho ứng với làn điệu, nhưng tất cả đều là lời nói, ý nghĩ, cảm xúc chân thành của những người đang sống trong giờ phút chiến đấu, tạo thành một bản hợp ca rộng lớn, khoẻ khoắn, góp phần thúc đẩy đất nước đứng lên.

Chúng ta đều biết từ năm 1940, nhất là từ năm 1941 trở đi, việc "xây dựng căn cứ địa cách mạng là một chủ trương đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta"⁽⁸⁾ và "các căn cứ địa cách mạng của ta trước Cách mạng tháng Tám đã đóng vai trò rất quan trọng, nhất là những căn cứ địa... Việt Bắc sau đã phát triển thành khu giải phóng, là ngọn cờ triệu và cổ vũ phong trào cách mạng trong cả nước, có tác dụng to lớn uy hiếp quân thù. Bảo

⁽⁸⁾ *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.94.

vệ cơ quan đầu não của cách mạng, đồng thời là cái mầm của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà sau này"⁽⁹⁾.

Như thế, thơ ca cách mạng Việt Bắc có nhiệm vụ góp phần vào việc thực hiện trách nhiệm lớn lao mà lịch sử đã giao phó cho căn cứ địa chủ chốt này là tham gia giác ngộ, vận động quần chúng làm cách mạng vì "các căn cứ địa cách mạng được xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng"⁽¹⁰⁾.

Cơ sở chính trị trong quần chúng được vững vàng thì căn cứ địa mới thật sự chắc chắn và mới có điều kiện phát triển nhanh chóng.

Thật cảm động và sung sướng xiết bao khi chúng ta biết rằng Hồ Chủ tịch sau ngày về nước đã trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Mặc dù bận trăm công ngàn việc và sức khoẻ không được tốt, nhưng Người vẫn dành thì giờ để dịch và biên soạn các tài liệu học tập cho các lớp huấn luyện. Khi tới hang Cốc Bó, Người bắt tay vào dịch *Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô (b)* từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt⁽¹¹⁾. Tiếp theo đó, Người dịch và viết các tài liệu như *Kinh nghiệm Tàu*, *Cách đánh du kích*, *Cách huấn luyện quân sự của Khổng Minh*, *Phép dùng binh của Tôn Tử*.

Muốn cho ánh sáng của những chủ trương, nghị quyết của Đảng và mặt trận soi rọi tới quần chúng nhân dân lao động trong các bản làng, Người còn viết

⁽⁹⁾ *Cách mạng tháng Tám* (1945), sđd, tr.94.

⁽¹⁰⁾ *Cách mạng tháng Tám* (1945), sđd, tr.95.

⁽¹¹⁾ Cuốn *Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô (b)* bằng tiếng Trung Quốc do đồng chí Cáp mang về.

những vần thơ rất giản dị, mộc mạc in thành tập như: *Ba mươi bài ca Việt Minh, Lịch sử nước ta, Địa lý nước ta...*

Qua những tập thơ này, ta thấy được tầm cao tư tưởng, tấm lòng, cảm xúc và tài năng của Người. Có những bài vào loại thơ ngụ ngôn mẫu mực như: *Nhóm lửa, Ca sơi chỉ, Con cáo và tổ ong...* Có những vần thơ ân cần, nhẹ nhàng, tươi mát trong các bài như: *Kêu gọi thiếu nhi, Trẻ chăn trâu...* Có những vần thơ khoẻ khoắn, sôi nổi như trong *Bài ca du kích*. Có những vần thơ châm biếm hóm hỉnh, sâu cay như: *Tặng Thống chế Pê-tanh, Tặng Toàn quyền Đờ-cu...* Có những vần thơ phảng phất *Đại Nam quốc sử diễn ca* trong tập *Lịch sử nước ta*. Nhiều vần thơ phảng phất những câu Kiều:

Mạnh gì sơi chỉ con con,

Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng?

CA SƠI CHỈ

Hay là:

Tội kia càng đắp, càng đầy,

Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng.

LỊCH SỬ NƯỚC TA

Thơ ca của Người vì thế dễ đi nhanh và ăn sâu vào mọi tầng lớp, lứa tuổi trong nhân dân. Người còn làm thơ tức cảnh, hoặc bằng tiếng Việt, hoặc bằng tiếng Hán. Những bài *Pác Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pác Bó, Thượng Sơn* (Lên núi) đã đi vào lịch sử văn học Việt Nam như những bài thơ đẹp nhất.

Ba mươi bài ca Việt minh của Hồ Chủ tịch ngoài việc in thành tập, còn được đăng dần trên báo *Việt Nam độc lập*. Đây là tờ báo do Người sáng lập, ban đầu là cơ quan của Mặt trận Việt Minh Cao Bằng - Bắc Kạn, sau là Cao - Bắc - Lạng, ra rất đều đặn, mỗi tháng 3 kỳ, mỗi kỳ 400 số, số đầu tiên ra ngày 1.8.1941 ở Khuổi Nặm, Pác Bó. Số báo nào cũng có mục "*Vườn ươm*", ít nhất là có một bài thơ hoặc phản ánh kịp thời tình hình thế giới và trong nước, đề ra những nhiệm vụ cụ thể, hoặc phản ánh tâm sự, cảm xúc của cán bộ, quần chúng trước cảnh giang sơn đổi mới.

Là người sáng lập tờ báo, Hồ Chủ tịch còn tham gia duyệt bài, viết bài, vẽ tranh... Từ tháng 8.1941 đến tháng 8.1942, trước khi Người lên đường sang công tác ở Trung Quốc và bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ, hầu như số báo nào cũng có bài của Người. Từ tháng 8.1942 trở đi, tờ báo do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách.

Ngày nay, khi đọc lại toàn bộ báo *Việt Nam độc lập* thời còn bí mật, chúng ta được ôn lại những ngày sôi nổi của một chiến khu và một phần đất nước, rộng ra là một thế giới, đang biến chuyển mau lẹ qua những phần tin tức, phần xã luận ngắn, gọn, sắc sảo. Những bài thơ và cả ca trong mục "*Vườn ươm*" rút ra cái cốt lõi của phần tin tức và xã luận, góp phần làm rõ tình hình và nhiệm vụ, và thông qua đặc trưng của mình, chủ yếu nhằm nâng cao việc giáo dục tình cảm, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tư thế của cán bộ và quần chúng cách mạng.

Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Mặt trận, tuy trong điều kiện còn rất khó khăn, thiếu thốn về giấy mực, về công việc thu thập tin tức và phát hành, nhưng đã làm cho tờ báo phát huy tác dụng tốt đẹp tới người đọc và người nghe, trong đó có những người nghe là nhân dân lao động chưa biết chữ ⁽¹²⁾.

Mười tháng sau khi tờ báo ra đời, toà soạn viết lời chân thành cảm ơn sự ủng hộ và hoan nghênh của quần chúng:

*Có vườn hoa muốn cho hoa tốt
Thì phải thường chăm chút cho hoa
Mùa xuân đỏ tía xùm xoà
Tốt tươi nhụy ngọc, mận mà mùi hương
Muôn việc gì cũng dường như vậy
Càng chăm nom càng thấy tốt tươi
Báo ta từ lúc ra đời
Người người ủng hộ, người người thân yêu.*

Báo Việt Nam độc lập
số 126, ngày 11.6.1942

"Người người ủng hộ, người người thân yêu" một phần do "Vườn văn" của tờ báo có những bông hoa thơm đẹp.

⁽¹²⁾ Thời kỳ này, người cán bộ ngoài nhiệm vụ tuyên truyền tổ chức, còn làm công việc dạy văn hoá để xoá nạn mù chữ cho các hội viên. Hồ Chủ tịch cũng trực tiếp dạy cho một số đồng chí có điều kiện ở gần Người, ví như chị Nông Thị Trưng, người dân tộc Tày (Cao Bằng) sau này là chánh án toà án tỉnh.

Tuy phần nhiều là thơ tuyên truyền, cổ động nhưng có nhiều bài, nhiều đoạn *thấm đượm chất trữ tình sâu sắc*.

Chất trữ tình đã làm tăng hiệu quả tuyên truyền, cổ động. Trong hoàn cảnh hết sức khắt khe, nhiều bài, nhiều đoạn không có đủ thì giờ để trau chuốt, nhưng nhìn chung là *rất khoẻ khoắn phù hợp với hơi thở của cuộc sống*.

*Phát xít bị đập tơi bời
Hít-le thất bại phải lùi tứ tung
Giải phóng Pháp, Bỏ một vùng Hoà Lan
Ti-tô thu phục Miền Nam
Ở Hy, Đức cũng chịu hàng quân Anh
Đông Âu, Xô Viết tung hoành
Phía Nam tiến lấy kinh thành xứ Hung
Phía Bắc rồi sẽ tấn công
Đánh vào Đông Phổ, chạy vòng Na-uy.*

*CHÀO MỪNG XUÂN 1945
Báo Việt Nam độc lập, số 201,
ngày 5.1.1945*

Khoẻ khoắn và rất vui trẻ:

*Bác Hít-le ta tự tử rồi
Con ma phát xít thế là thôi!
Bao năm vùng vẫy trời tung ngược
Một phút tan tành sự nghiệp xuôi.*

*KHÓC HÍT-LE
Báo Việt Nam độc lập,
số 216, ngày 5.1.1945*

Hay là:

*Thằng Cung Đình Vận chết rồi
Ô hô! hết kiếp chim môi, chó săn!
Xuất danh bán nước hai lần
Tờ Pháp, tờ Nhật buôn dân, hại nòi
Vừa rồi bị bắn chết toi
Thế là kết thúc cái đời Việt gian.*

CUNG ĐÌNH VẬN BỊ BẮN

*Báo Việt Nam độc lập,
số 225, ngày 10.8.1945*

Nhiều bài đạt tới *mẫu mực về loại thơ đánh địch, thơ châm biếm*, tiêu biểu là những bài thơ của Hồ Chủ tịch.

Người kết án đánh thép những kẻ thù đầu sỏ, nhưng Người vẫn dành những nụ cười hóm hỉnh chế giễu thói gian tham, bịp bợm và phân tích số phận bi thảm của chúng.

Thống chế Pê-tanh tuy có thành tích nhất định trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất nhưng giờ đây:

Pê-tanh lão tướng hoá hôi tanh

"Hôi tanh" vì đã:

Cúi đầu, quỳ gối hàng quân Đức

Nhưng "hôi tanh" còn vì:

Ô danh mà muốn được thơm danh

Người chỉ nhắc khê Pê-tanh:

Già mà như chú già thêm đại

Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh

Cũng như nhắc khế Toàn quyền Đờ-cu:

Cũng như thống chế Pê-tanh vậy

Chú cứ cu cù được mãi ru?

Không cần phải nặng lời gay gắt, vì những tên hề, những con rối chính trị đó một ngày không xa sẽ bị lịch sử nghiền nát.

Tiếng cười bao giờ cũng cất lên về phía những người sẽ thắng và đã thắng.

Trong hoàn cảnh khó khăn nhiều mặt, "những báo chí bí mật cũng chỉ dành được những góc nhỏ cho thơ ca cách mạng mà thôi"⁽¹³⁾ nhưng "*Vườn văn*" trên báo *Việt Nam độc lập* đã có nhiều bông hoa thơm đẹp mà tác dụng, hiệu quả không nhỏ.

"*Vườn văn*" trên báo, tập hợp thơ ca của chiến sĩ, cán bộ và quần chúng cách mạng. Những số chủ chốt thường do các đồng chí lãnh đạo Đảng và mặt trận Việt Minh phụ trách.

Nhiều bài thường được các cán bộ sáng tác kịp thời, "sáng tác tại trận", ban đầu đọc cho đồng đội, cho quần chúng nghe rồi sau mới gửi tới toà soạn.

Thơ ca thường được kiểm nghiệm kết quả trước khi đăng báo. Người nghe và dễ dàng thuộc thơ ca của người sáng tác, thường có những mối rung cảm như người sáng tác.

⁽¹³⁾ *Sơ thảo lịch sử văn học 1930 - 1945*, sđd, tr.190.

Những câu chuyện gia đình, được đồng chí, đồng đội viết thành thơ ca để thể hiện sự quan tâm chu đáo đến nhau.

Chúng ta có dịp gặp một số bài có dạng gần gũi với thơ ca Xô Viết Nghệ - Tĩnh, như: *Cha khuyên con, Con khuyên cha, Vợ nhắn chồng, Chồng nhắn vợ...* (nhưng loại này ít hơn và ngắn hơn so với thơ ca Xô Viết Nghệ Tĩnh), nhắc đến "*Công cha mẹ sinh thành dưỡng dục*" đến "*Chín chữ cù lao*", đến việc "*Đổi hiếu làm trung*", tất nhiên không có chuyện trung với vua mà "trung vì cơ nghiệp Lạc Hồng", đến việc:

"Mau mau cách mệnh thành công

Thoả lòng chàng đó, vui lòng thiếp đây."

Đây không phải là cách nói, cách tuyên truyền, cổ động mà thường là chuyện rất thực của những người bước đầu dứt khoát chọn con đường cách mạng, mặc dù trước mắt còn bao khó khăn gian khổ.

Giới thiệu vài nét rất sơ lược về phần thơ ca của một tờ báo tiêu biểu của căn cứ địa trong thời kỳ này, chúng tôi muốn nêu lên những cảm nghĩ về *tính chất đa dạng, phong phú của thơ ca cách mạng trên các báo chí bí mật* mà ngày nay chúng ta ít có điều kiện đọc lại.

Còn biết bao nhiêu thơ ca cách mạng, trong đó có những bài rất hay, không có điều kiện đăng báo. Một số bài thơ tức cảnh của Hồ Chủ tịch làm trong thời kỳ này là một ví dụ.

Căn cứ địa ngày càng được mở rộng, nhiều địa phương đã có báo chí riêng và đón nhận những tờ báo

từ miền xuôi gửi lên như: *Cờ giải phóng, Cứu quốc...* Và các tờ báo này đã dành những trang thơ kịp thời ca ngợi những chiến thắng mới và vẻ đẹp mới tại chiến khu.

Đồng chí Xuân Thuỷ ca ngợi "*Trận Mỏ Nhài*"; đồng chí Lê Tất Đắc ghi lại không khí nhộn nhịp và hình ảnh rất mới, rất nên thơ khi "*Lên chiến khu*"; đồng chí Phạm Văn Hảo viết những dòng thơ "*Tặng đội nữ du kích hồ Ba Bể*". Bước đi hùng mạnh của đoàn quân cách mạng đã vang dội tới nhà tù đế quốc đặt tại Việt Bắc, nơi đó, các chiến sĩ trong giam cầm đã nhìn thấy:

Đình Cả xa trông ánh lửa hồng

Dũng sĩ một đoàn mau cất bước

QUÁN TRỢ BÊN ĐÔI

(thơ Trần Huy Liệu

làm tại trại giam Bá Vân năm 1944)

Thơ ca cách mạng ban đầu sáng tác thường nhằm mục đích vận động quần chúng. Và ngược lại, quần chúng lớn mạnh lại là nguồn cảm xúc vô tận của thơ ca.

Trong không khí chung của cách mạng, của thơ ca như thế, có những đồng chí không có nhiều điều kiện sáng tác thơ ca cũng đã làm một số bài, như: Trần Huy Liệu, Xuân Thuỷ, Cao Hồng Lãnh,... Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã dịch một số thơ ca bằng tiếng phổ thông như bài *Ngũ tự kinh* ra tiếng Dao.

Các nhà thơ trẻ như Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn đã trưởng thành cùng với cách mạng, với thơ ca, và trở thành nòng cốt trong phong trào thơ ca của Việt Bắc trên các chặng đường sau Cách mạng tháng Tám.

Những dòng thơ đầu tiên chân thành, mộc mạc nhưng tinh tế, giàu cảm xúc ấy đã dự báo những triển vọng tốt đẹp của ba mươi năm sau.

Cách mạng có nhiều việc phải giải quyết, phải ứng đáp, nhưng không quên đào tạo những cán bộ chuyên nghiệp cho thơ ca.

Trên cơ sở tư liệu còn hạn chế, chúng tôi đã cố gắng khắc hoạ bối cảnh thơ ca, sản phẩm của bối cảnh lịch sử cách mạng, nhằm nêu lên không khí, đường nét chung về sự phát triển của hoạt động thơ ca tại căn cứ địa chủ chốt trong một khoảng thời gian ngắn.

Rõ ràng, sự phát triển ấy có thể nói là đã trở thành quy mô rộng rãi, bề thế: có báo chí, có tập thơ, có đội ngũ tác giả, bao gồm rất nhiều tác giả khuyết danh, có số lượng thơ ca đáng kể... đã góp phần làm cho sinh khí văn học nghệ thuật ở đây hết sức mới mẻ.

II. ÁNH SÁNG SOI RỢI THƠ CA

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của công việc nghiên cứu thơ ca cách mạng là cố gắng tìm hiểu ánh sáng tư tưởng của Đảng trong từng thời kỳ.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, văn học cách mạng nói chung, cũng như thơ ca cách mạng nói riêng chưa có đội ngũ tác giả thật sự chuyên nghiệp, nhưng trào lưu ấy vẫn hình thành và phát triển mạnh mẽ do sự đóng góp của các chiến sĩ, cán bộ và quần chúng cách mạng.

Trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, bóng quân thù còn dày đặc, việc liên hệ với các cấp bộ không phải dễ dàng, các chiến sĩ, cán bộ cách mạng, tùy ở điều kiện và trình độ khác nhau tiếp thu, thấm nhuần đường lối, chủ trương, sách lược... của Đảng trong từng thời kỳ, tuy có mức độ khác nhau, nhưng nhìn chung, thơ ca của người này bổ sung cho người kia vẫn phản ánh được phong trào cách mạng và thế tiến công của Đảng.

A- Những chặng đường

1. Chặng đường 1936 - 1939

Trên cơ sở tư liệu có hạn, chúng ta hãy dõi theo *những chặng đường của thơ ca cách mạng Việt Bắc*.

Một số nơi trong các tỉnh ở Việt Bắc, chẳng hạn như Cao Bằng, đã có phong trào cách mạng và tổ chức Đảng từ năm 1930. Trước đó, trong những năm 1928 - 1929 đã có những hoạt động của Hội *Việt Nam cách mạng thanh niên*.

Thơ ca cách mạng trong những năm này đã xuất hiện và cũng khá nhiều. Hai bài thơ dài *Hỡi chị em* và *Kêu gọi phụ nữ* ⁽¹⁴⁾ được truyền bá khá rộng rãi trong những năm 1926 - 1928 là một minh chứng.

⁽¹⁴⁾ Những bài thơ này được một nhà giáo lão thành và một cán bộ cao niên cung cấp, và cho biết hai bài được phổ biến rộng rãi trong những năm 1926, 1928. Một trong hai bài đã được dịch ra tiếng Tày.

Đây là thời kỳ vận động thành lập Đảng. Thơ ca cách mạng đem đến cho văn học dân tộc một luồng sinh khí mới.

Tiếp thu chủ nghĩa nhân đạo tốt đẹp trong văn học dân gian và văn học cổ điển, chịu ảnh hưởng của thơ ca yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ 20, nhất là trước những thực tế về thành quả rục rờ của Cách mạng tháng Mười Nga, thơ ca cách mạng thời kỳ này dưới ánh sáng của tư tưởng mới, thường gợi nên nỗi chua xót của người phụ nữ:

*Đoái trông tình cảnh nước mình
Bao nhiêu những sự bất bình xót xa
Phận hèn yếu đàn bà, con gái
Bị khinh thường, bạc đãi từ lâu
Cần răng cần cỏ, cúi đầu
Nhọc nhằn như thể ngựa trâu tôi đòi.*

HỒI CHỊ EM

Và kêu gọi chị em mau mau đứng dậy:

*Đoàn kết nhau đòi lấy lợi quyền
Kìa trông phụ nữ Xô - Liên
Tự do, bình đẳng, bình quyền từ lâu.*

HỒI CHỊ EM

Thơ ca hướng về những người phụ nữ cũng là hướng đến những người bị áp bức, bóc lột nhiều nhất trong xã hội có giai cấp.

Thơ ca trong những năm 30 của thế kỷ 20 đến nay chưa sưu tầm được mấy.

Là người có công xây dựng cơ sở Đảng từ năm 1930, đồng thời là một người yêu thơ ca, đồng chí Hoàng Đình Giông làm nhiều "thơ ca cổ động" (một từ đương thời thường dùng) nhưng đến nay chỉ còn để lại một bài *Kể chuyện Liên Xô* (Lần chuyện Liên Xô).

Dùng hình thức kể chuyện với quần chúng, bài ca khơi gợi trí tưởng tượng của người nghe theo sự biến đổi của nước Nga: Là một đất nước đau thương, nhân dân đã vùng dậy lật ách thống trị của vua quan, xây dựng một cuộc đời mới:

*Dân Liên Xô sướng thật đủ đường
Mỗi ngày dân thêm khôn, thêm tiến
Âm ầm nhà máy điện đêm ngày
Tàu bay đi như mây như gió
Ô tô như thóc lúa phơi giàn
Toa tàu hoả từng đoàn không dứt.*

(tạm dịch)

Liên Xô là viễn cảnh đầy sức hấp dẫn mà Việt Nam sẽ đi tới:

*Dân ta mai kia phải thế này
Như Liên Xô ngày nay đang sống
Cốt sao ta một bụng như nhau
Đời sung sướng thế nào cũng thấy.*

(tạm dịch)

Hướng về thành trì cách mạng thế giới là một trong những chủ đề rất phổ biến trong văn học cách mạng Việt Nam, xuyên suốt từ những năm hai mươi của thế kỷ 20 khởi đầu là văn chính luận, truyện và ký của Hồ Chủ tịch viết bằng tiếng Pháp. Trong thơ ca, chủ đề này như một dòng sông trong mát, lấp lánh, chảy rất đều đặn từ những năm 1925 - 1929, trong thơ ca của *thời kỳ vận động thành lập Đảng*, qua những năm 1930 - 1931 trong thơ ca *Xô Viết Nghệ - Tĩnh*, những năm 1936 - 1939 trong thơ ca *Mặt trận dân chủ*, rồi những năm 1941 - 1945 trong *thơ ca tiền khởi nghĩa*. Trong thời kỳ mặt trận dân chủ, một trong những nhiệm vụ của các báo chí cách mạng xuất bản công khai là tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, giới thiệu Liên bang Xô Viết.

Bài ca: *Kể chuyện Liên Xô* làm năm 1936 có thể ra đời trong một hoàn cảnh như thế.

Trong những năm 1936 - 1939, thơ ca cách mạng Việt Bắc có những bài như: *Bản đồ nước Việt* (Tì đồ nước Việt), *Mọi người được tự do* của đồng chí Hoàng Văn Thụ; các bài *Người ở đời*, *Số mệnh hay con người* của đồng chí Lê Quảng Ba đã thể hiện tinh thần, phương hướng của *Mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân Đông Dương*, một mặt trận rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, dựa trên cơ sở công - nông liên minh, đoàn kết tất cả mọi lực lượng dân chủ trong và ngoài nước để chống phát xít, chống chiến tranh, đòi cơm áo, tự do và hoà bình⁽¹⁵⁾.

⁽¹⁵⁾ Trong thời kỳ *mặt trận dân chủ*, những đảng viên cộng sản ở Lạng Sơn, Bắc Sơn, Võ Nhai thường rải truyền đơn, treo cờ đỏ

Thơ ca trên báo chí công khai thời kỳ này, đương thời thường gọi là *thơ bình dân*, đã tập trung vào cuộc sống cơ cực của người nông dân, công nhân và phụ nữ nghèo khổ, trẻ mồ côi... nhưng vì đăng trên báo chí công khai, thơ ca đó có những hạn chế trong việc lên án kịch liệt chế độ áp bức, bất công và kêu gọi quần chúng vùng dậy.

Bài *Bản đồ nước Việt*, một bài ca dài gần một trăm câu của đồng chí Hoàng Văn Thụ dùng lối kể chuyện bằng thơ ca, một thể loại văn nghệ rất phổ biến của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, lần lượt dẫn chuyện từ xa đến gần.

Là người hiểu biết sâu rộng, tác giả, qua lời ca thiết tha, đã thể hiện sự cảm thông sâu sắc về nỗi khổ đau của quần chúng, mong muốn quần chúng hiểu rõ ngọn nguồn của khổ đau.

Bài ca gợi lên một dải non sông dài rộng, một đất nước giàu có:

*Ruộng nương, họa trái đầy đôi núi
Mỏ vàng, mỏ sắt xếp từng hàng*

trong những ngày kỷ niệm như Quốc tế Lao động, Cách mạng tháng Mười Nga, Xô Viết Nghệ - Tĩnh...

Các báo chí của Đảng như "*Tin tức*", "*Đời nay*"... được lưu hành rộng rãi. Cũng trong thời kỳ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã có nhiều cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, chống bắt phu, bắt lính, đòi các quyền tự do, dân chủ.

(Dựa theo *Lịch sử Cứu quốc quân* của Ban nghiên cứu lịch sử khu tự trị Việt Bắc; *Căn cứ địa Việt Bắc* của Hoàng Quang Khánh, Lê Hồng, Hoàng Ngọc La).

*Có một dân số đông đúc
Hai trăm triệu người, có ít đâu?*

Thế mà:

Vì sao ta chịu những khổ đau?

Ngọn nguồn của khổ đau là chế độ thống trị của thực dân Pháp:

Ruộng nương nào tốt Tây đoạt cả.

Và sự kìm kẹp giữa đế quốc và phong kiến:

Chúng nó kết lại thành một bưng

Áp bức dân mình rất dã man.

Dẫn người nghe đi từ chuyện ba kỳ Trung, Nam, Bắc, chuyện các nước láng giềng đến "Nam Quan, nơi biên giới" từ "quê cha, đất tổ" ngó sang tỉnh Bắc Giang bên cạnh, tác giả luôn luôn gợi những thực tế cụ thể và so sánh ví von thật là một bản đồ nhiều màu sắc: hình thể, giới hạn, diện tích, khoáng sản, nông nghiệp, dân cư...

Bản đồ ấy đáng lẽ phải tươi thắm nhưng tại sao lại còn những bóng tối cần xóa đi? Tác giả đã cắt nghĩa rồi. Bài ca tiếp tục gợi cho người nghe hãy nhớ lại câu chuyện vừa diễn ra trước nhãn tiền. Tên Kinh Giàu ở Lạng Sơn cậy nhiều của cải và quyền thế đã đang tâm đá chọi Nà Lầm, "*chết đang bưng chữa*", "*lăn lóc giữa đồng không*". Người chồng nghèo khó, chăm uất tột độ "*làm đơn thưa kiện*", nhưng tên Kinh sẵn tiền, nhiều bạc, chạy vạy, dứt lốt đã vô tội:

Nà Lầm đã chết thật là oan

*Kinh Giàu giết người, tội vô can
Trông thấy việc này lòng đau nhói
Căm bợn chúng nó, đầu đến cuối.*

(tạm dịch)

Tiếp đó, bài ca đã thấu tóm kiếp đoạ đầy của người lương thiện:

*Chả thiếu việc chi ta không làm
Không vừa ý, chúng liền đâm đá
Mưa dầm, nắng gắt ta phải làm
Nắng thiêu xuống mình đau nhức nhối.*

(tạm dịch)

Con đường duy nhất để thoát cảnh đoạ đầy ấy là đoàn kết vùng dậy, là:

*Làm sao đây ta kết thành đoàn
Sớm sớm bảo nhau vào tổ chức.*

(tạm dịch)

Cách kể chuyện xa gần rất giàu chi tiết sinh động, xen vào là những đoạn trữ tình, làm cho bài ca không những đương thời ưa thích mà ngày nay còn rất nhiều người thuộc lòng.

Nhà thơ Nông Quốc Chấn đã dịch một số đoạn ra tiếng phổ thông rất sáng tạo mà vẫn trung thành với nguyên tác:

*Việt Nam dân chúng hàng trăm họ
Của lắm người đông sao vẫn khổ?*

*Phải chăng có mắt mà như mù
Không biết đường đi, không biết thù?*

*Đồng bào ta ơi! Ta có nước
Dải đất đẹp tươi Trung, Nam, Bắc
Láng giềng ta có Lào, có Miên
Bạn với ta cùng hội cùng thuyền.*

Một số bài ca của đồng chí Lê Quảng Ba làm trong thời kỳ này cũng tập trung tố cáo những bất công, vô lý trong xã hội dẫn đến hai cảnh đời trái ngược: Kẻ ngồi không thì *"thịt cá, cơm, rượu đầy đủ"*, *"lúa là, tôm rồng, cá biển"* (trong bài *Số mệnh hay con người*); người nai lưng ra làm thì:

*Gọi mưa thêm phơi nắng
Lúa còn xanh
Thuế đã đến
Bán lúa non, trâu bò
Đến thời ta gặt hái
Gánh về người đòi nợ
Tết đến thóc đã hết
Kiếm ăn đâu tìm mặc
Nợ, phu, thuế đầy mình
Suốt đời đói rét
Sao sống được đây?*

GỌI NÔNG DÂN

(tạm dịch)

Âm điệu của các thể ca lại được kết hợp với những hình tượng sinh động, cụ thể làm tăng giá trị, hiệu lực tuyên truyền:

Ơi! anh em ơi!

Làm người trong đời ở thế gian

Thấy đủ nhiều dáng nhiều vẻ

thật chẳng giống nhau

Có kiểu ăn nhờ, làm gửi, ngồi trên

Nên quý, nên heo,

để chủ hay, cay đắng ngày ngày

Có kiểu rẽ dài, cày lại ngắn

dây phủ che

Nấm mọc dưới, trên ngọn vàng

cành giòn đét khô

Ngày gió cả, mưa sa nặng.

NGƯỜI Ở ĐỜI

(tạm dịch)

Có thể ta không hiểu hết được cái hay của bài ca do những câu tạm dịch, nhưng những hình tượng đó làm ta liên tưởng đến những cảnh ngộ trong thơ ca, trên báo chí công khai ở thời kỳ mặt trận dân chủ:

Công nợ còn lo một vấn vương

Tiếng gà đã gáy giục tình sương

Lâu son, đẽm gấm ai đương mộng

Mình đã dày thân kiếp đoạn trường.

...
*Giờ đây chúng nó vẫn nghênh ngang
Ngồi mát cơm ngon với bát vàng
Riêng có trâu, mình chung một kiếp
Tắm bùn cho kẻ hưởng giàu sang.*

ĐỜI SỐNG NÔNG DÂN
(thơ Nguyễn Văn Năng
đăng trên báo *Tin tức* năm 1937)

Thơ ca cách mạng Việt Bắc đã góp những tiếng ca hay vào trái tim thơ ca cách mạng toàn quốc.

Từ giữa mùa thu năm 1939, ngày 1.9, phát xít Đức tiến công Ba Lan, chính thức mở màn cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, đe dọa số phận của loài người.

Đế quốc Pháp trong cơn suy yếu đã lộ bộ mặt tàn bạo, bỉ ổi, một mặt phát xít hoá bộ máy thống trị tăng cường đàn áp cách mạng, mặt khác ra sức vơ vét ở các nước thuộc địa: "Trong vòng 8 tháng đầu năm 1940, đế quốc Pháp đã vơ vét của Đông Dương 37.955 tấn nguyên liệu mang về Pháp (cùng thời gian này, năm trước chúng chỉ vơ vét được 15.093 tấn). Đồng thời, chúng bắt 80.000 thanh niên Đông Dương đi lính sang Pháp làm bia đỡ đạn cho chúng". Thế nhưng, đế quốc Pháp vẫn bị thất bại thảm hại trước sự tấn công chớp nhoáng của phát xít Đức trong vòng hơn một tháng kể từ ngày 10.5.1940.

2. Chặng đường 1940

Thơ ca cách mạng trong năm 1940 ít nhiều đã cho ta thấy đường nét, bóng dáng của hiện thực đương thời.

Cụ thể là hai bài ca của đồng chí Hoàng Văn Thụ mở đầu bằng việc báo tin một tình hình mới: đế quốc Pháp khốn quân đang ráo riết bắt binh lính. Bài *Không đi lính đánh thuê* đã miêu tả số phận bi thảm của những người bị cưỡng ép đi làm bia đỡ đạn.

Vợ chồng thở than, ly biệt. Bản thân người lính thuộc địa dấn vào cuộc đời không có gì đảm bảo:

Trên đường đi rất có thể:

Chết vứt xuống biển nuôi cá voi

Bỏ lại vợ con ai trông coi.

Có sang được tới Pháp, cũng là:

Bỏ xác nơi đất khách quê người

Con lớn không biết mộ cha đâu.

Bài ca nhắc đến nỗi đau xót của mọi người:

Trăm cay, ngàn đắng, ta phải chịu

Vì Pháp đang vét người lại vét của

Vàng thoi, bạc trắng, mang đi hết.

Kêu gọi mọi người đoàn kết vùng dậy, bài ca phác họa khung cảnh sáng sủa của một ngày mới đang hé mở:

Thời hạn cướp nước ta đã hết

Cả nước mọi người đều nhận biết

Tuổi già, tuổi trẻ đều sôi nổi

Khắp nơi, ta tổ chức cả rồi.

(tạm dịch)

Cùng chủ đề tương tự, bài ca *Chế độ Đông Dương* khái quát tình cảnh của nhân dân năm xứ đang rên xiết dưới ách thống trị của Pháp, đi đến vận động thanh niên không đi lính cho giặc:

*Đế quốc gây chiến tranh, bắt ta chết thay cho chúng
Hỡi các chàng trai khoẻ mạnh, theo giặc được gì đâu?*

(tạm dịch)

Rất có thể do nhu cầu công tác vận động binh lính địch mà đồng chí Hoàng Văn Thụ có thời kỳ đặc trách, nên những bài ca đó đã ra đời.

Mặc dù tư liệu có hạn, nhưng chúng ta cũng có thể nhận thấy thơ ca cách mạng Việt Bắc trên những chặng đường trước năm 1941 đã có đường nét khá rõ và là cơ sở chuẩn bị *những tiền đề cho thơ ca một chặng đường mới.*

Đó là những bài ca đã thể hiện tinh thần, phương hướng của *mặt trận thống nhất phản đế Đông Dương.*

Lời kêu gọi của bài ca là:

*Thân phận mình sao không biết nghĩ
Sao yên phận cam tâm làm nô lệ
Nhân dân Đông Dương hãy đoàn kết chặt
Tiến theo cách mạng ra sức đánh đổ cường quyền
Cờ bay rợp trời, hăng hái ta tiến lên.*

(tạm dịch)

Có gì gần gũi trùng hợp với bài thơ trong tù của Tố Hữu trong năm 1940:

*Cờ tự do bay rợp chiến đài
Bốn phương trời đỏ ánh tương lai
Dậy lên, hỡi những linh hồn trẻ
Máu của con yêu nhuộm thắm đời.*

DẬY LÊN THANH NIÊN

3. Chặng đường 1941

Thơ ca trong năm 1940 đã dự báo những đổi thay lớn lao. Cuối mùa thu năm 1940, phát xít Nhật, sau những lần uy hiếp biên giới Nam Quan, ngày 22.9, tiến đánh Lạng Sơn. Hệ thống phòng thủ của Pháp bấy lâu vẫn rêu rao là vững mạnh, đã tan rã nhanh chóng. Sau vài lần đụng độ, Pháp đã quỳ gối đầu hàng.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ, khí thế cách mạng dâng cao, nhưng kẻ thù chống trả quyết liệt. Tiếp theo là đội du kích Bắc Sơn được thành lập, khu căn cứ du kích được hình thành rồi đội Cứu quốc quân ra đời...

Tháng 10.1940, trước tình hình mới do phát xít Nhật xâm lấn Đông Dương, Hội nghị Trung ương lần thứ 7⁽¹⁶⁾ đã dự đoán một "Cao trào cách mạng sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy sứ mệnh thiêng

⁽¹⁶⁾ Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng gồm các đồng chí Trường Chinh, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh... (theo "*Cách mạng tháng Tám (1945)*").

liêng lãnh đạo các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập"⁽¹⁷⁾.

Vào một ngày xuân năm 1941, Việt Bắc vinh dự được chào đón Bác Hồ về nước.

Tháng 5.1941, Việt Bắc lại được được chào đón Hội nghị Trung ương lần thứ 8 do Bác Hồ chủ trì⁽¹⁸⁾.

Hội nghị đã dự đoán chính xác về diễn biến của tình hình thế giới, hoàn chỉnh những nghị quyết của các Hội nghị Trung ương lần thứ 6, thứ 7, đề ra những chủ trương và chính sách cụ thể nhằm giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, động viên mọi tầng lớp nhân dân tiến lên mặt trận cách mạng mới.

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc, cùng với thơ ca cách mạng toàn quốc đã phát triển hết sức mạnh mẽ trong một hoàn cảnh đầy những sự kiện mới mẻ như thế, *trước hết là đáp ứng nhu cầu động viên mọi tầng lớp nhân dân tiến lên mặt trận cách mạng mới*, tham gia tích cực vào việc vận động nhân dân nô nức gia nhập các tổ chức quần chúng yêu nước, chống đế quốc, đều lấy tên là "Hội cứu quốc" (như Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc, Hội Binh sĩ cứu quốc...).

⁽¹⁷⁾ Văn kiện Đảng 1939 - 1945, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.142.

⁽¹⁸⁾ Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng gồm các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Vũ Anh do Hồ Chủ tịch chủ trì (theo "*Cách mạng tháng Tám (1945)*").

Thơ ca từ đây lan rộng nhanh đến các nơi, các vùng. Những tập thơ của Hồ Chủ tịch và thơ ca của các đồng chí lãnh đạo Đảng và mặt trận Việt Minh, thường đăng trên báo *Việt Nam độc lập*, như đội quân chủ lực dẫn được tập hợp và bồi dưỡng thêm.

Thấm nhuần đường lối, chủ trương của Đảng trong giai đoạn mới, thơ ca tóm tắt gọn gàng "*Mười chính sách của Việt Minh*" hợp tình, hợp lý, cảm thông nỗi xót xa, nhọc nhằn và phát động lòng yêu nước từ lâu âm ỉ của mọi tầng lớp, của mọi lứa tuổi.

Thơ ca khơi dậy lòng tự hào dân tộc, làm ánh lên những trang sử rực rỡ, gợi lên vẻ xinh tươi, trù phú của đất nước. Thơ ca theo dõi, dự đoán tình hình, dựng thành những cuốn phim sinh động, trung thành về sự biến đổi mau lẹ của cách mạng thế giới và trong nước. Thơ ca nhắc nhở những nhiệm vụ đoàn kết, gia nhập hội tập tự vệ, đánh du kích, làm vườn không nhà trống, chăm sản xuất, chống khủng bố, giữ bí mật.

Thơ ca động viên những gương yêu nước, ân cần chăm sóc những bản khoăn, thương nhớ của những người tạm xa gia đình đi làm nhiệm vụ cán bộ "*thoát ly*". Đặc biệt, thơ ca thời kỳ này vạch mặt những hành động tàn ác, bịp bợm của kẻ thù, chế giễu những tên trùm phát xít, đế quốc đang múa may, hò hét nhưng không thoát khỏi cảnh khốn quẫn, cùng đường.

Tất cả đều tập trung vào một chủ đề, một mục đích: nhận rõ tình hình và nhiệm vụ mới, nhất tề vùng dậy, hướng đến một thời cơ không xa, kiên quyết giành cho kỳ được độc lập, tự do, giành lại toàn vẹn non sông, đất nước.

Mở đầu cho chặng đường mới của thơ ca tại căn cứ địa Việt Bắc là những tập thơ ca của Hồ Chủ tịch. Có thể còn có những bài khác của Người đăng trên báo *Việt Nam độc lập* từ mùa thu năm 1941 đến mùa thu năm 1942 mà giờ đây chúng ta chưa có điều kiện xác minh đầy đủ.

Thơ ca của Người làm ra trước hết là để đáp ứng công tác tuyên truyền, tổ chức. Đó là những lời tâm tình của Người với đồng bào các tầng lớp, các lứa tuổi.

Trong những ngày hoạt động cách mạng ở xa Tổ quốc, Người đã từng gửi thư về nhắn nhủ đồng bào trên những chặng đường. Những ngày này, trực tiếp gần gũi đồng bào, Người có được niềm vui vô hạn, muốn qua thơ ca mà chuyện trò với đông đảo quần chúng rất đổi mến thương và chứa chất bao vẻ đẹp, bao sức mạnh diệu kỳ.

Ba mươi bài ca Việt Minh ban đầu in thành những tập nhỏ, gọn, sau đăng lại trên báo *Việt Nam độc lập*.

Qua các bài ca, Người làm rõ tình hình và nhiệm vụ mới, những chính sách hợp tình, hợp lý của mặt trận Việt Minh, chuyện trò riêng với từng đối tượng quần chúng: công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ, trẻ em... Người am hiểu sâu sắc cảnh ngộ đau thương, vất vả, tâm tư thầm kín và nguyện vọng thiết tha của từng đối tượng. Người đã dùng hình thức ngụ ngôn, các hình thức so sánh, ví von phù hợp với cách suy nghĩ, cách diễn đạt của quần chúng, trước hết là quần chúng nhân dân các dân tộc Việt Bắc, nên tác dụng, hiệu quả thơ ca của Người rất lớn.

Đến nay, cán bộ và nhân dân còn thuộc lòng các bài ca và trân trọng cất giữ những tập thơ của Người.

Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, phê bình đã từng phân tích những vẻ đẹp của từng bài. Ở đây, chúng tôi muốn trình bày thêm những thu hoạch của mình về tính mục đích, tính khoa học của thơ ca Hồ Chủ tịch.

Báo Việt Nam độc lập số 135, ra ngày 21.8.1942, có bài giới thiệu *Quyển thơ ca Việt Minh*.

Về nội dung thơ ca, bài báo viết:

"Về ý nghĩa thì 30 bài ấy gồm có hai phần: một phần nói về các nước thế giới như Nga, Đức, Pháp..., một phần nói về việc trong nước. Phần này nhiều nhất và có thể chia làm một số mục sau:

1. Mục chính trị, như bài *Mười chính sách của Việt Minh*.

2. Mục cổ động, như bài *Ca Việt Minh, Dân cày, Phụ nữ, Thanh niên...*

3. Mục giáo dục, như bài *Ca sợi chỉ, Ca hòn đá...*

4. Mục quân sự, như bài *Gọi đồng bào, Ca tự vệ...*

Nói tóm lại, 30 bài ấy bao gồm khá rộng".

Về hình thức thể loại thơ ca, bài báo viết:

"Về văn chương thì 30 bài ấy có đủ thứ: nào "trên 6 dưới 8" nào "7 - 7, 6 - 8" nào thơ "luật Đường" nào kiểu mới...".

Như thế, tập thơ ca viết theo một nội dung thật rõ ràng, đúng là "*bao gồm khá rộng*" và dùng những hình thức, thể loại quen thuộc với quần chúng, nhưng không hề đơn điệu.

Về hiệu quả của thơ ca, bài báo viết:

"Về công dụng của thơ ca. Thơ ca mỗi bài ngắn nhất là 8 câu, dài nhất là 50 câu. Nó có vần, có điệu, dễ học, dễ hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ. Nó đọc êm tai, dễ nghe. Bất kỳ già trẻ, ai cũng học được. Nó lại dễ nắm nghĩa, dễ làm cho người cảm động..."

Rõ ràng, thơ ca phải đạt được những tiêu chuẩn hết sức nghiêm ngặt. Thơ ca phải phục vụ quần chúng, phục vụ cuộc vận động cách mạng.

Bài báo còn đánh giá vai trò tác dụng lớn lao của thơ ca:

"Sách Tàu có câu "*Một tờ giấy mà hơn 10 vạn binh*". Nói thế không phải là quá đáng. Nếu anh chị em ta chịu khó mà học thuộc mấy bài ca Việt Minh vừa xuất bản đó, thì đã hiểu biết được khá nhiều. Và chắc mấy bài đó có thể giúp cho anh chị em về công việc tuyên truyền, tổ chức".

Bài báo đã giúp ta hiểu thêm về quan điểm thơ ca của Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo Đảng và mặt trận Việt Minh trong thời kỳ này.

"*Lịch sử nước ta*" là một tập thơ viết cho đông đảo quần chúng, nhưng đồng thời có giá trị như một công trình nghiên cứu lịch sử soi rọi bởi tầm cao của tư

tưởng, bởi những kiến thức khoa học, chính xác về nguyên nhân, diễn biến và thời gian, năm tháng hưng vong của đất nước. Cuối tập thơ, dành một mục riêng *những năm quan trọng*, Hồ Chủ tịch ghi đầy đủ theo trình tự lịch sử từ thời kỳ Hồng Bàng, những *sự kiện quan trọng*, ví dụ:

- | | |
|----------------------------|------|
| - Vua Ngô khởi nghĩa | 938 |
| - Đời vua Đinh (12 năm) | 968 |
| - Đời vua Tiền Lê (29 năm) | 980 |
| - Đời vua Hậu Lý (215 năm) | 1010 |

...

Trong phần mở đầu của tập thơ, Hồ Chủ tịch tóm tắt truyền thống dân tộc bằng một câu:

*Kể năm hơn bốn nghìn năm,
Tổ tiên rục rở, anh em thuận hoà.*

Một thời gian dài dựng nước và giữ nước thật đáng tự hào biết bao. Kết quả rục rở ấy làm nên bởi những gương yêu nước oanh liệt, tiêu biểu là các anh hùng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân. Câu chuyện Tổ quốc được kể như một câu chuyện gia đình, một gia đình đầm ấm, nền nếp có ông cha giỏi giang, có cháu con hoà thuận.

Lần lượt tập thơ điểm lại từng thời kỳ lịch sử, tập trung làm nổi bật những gương sáng chói hết lòng vì nước, vì dân của mọi tầng lớp, của mọi lứa tuổi anh hùng.

Đất nước có những anh hùng thiếu nhi như Phù
Đổng:

*Tuổi tuy chưa đến chín mười,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.*

Như Trần Quốc Toản:

Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền.

Nhưng cũng có anh hùng cao tuổi như Lý Thường
Kiệt:

Mà lòng yêu nước trung thành không phai.

Đất nước có những phụ nữ anh hùng:

*Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.*

Như Bà Triệu "Tuổi vừa đôi mươi" mà:

*Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu quốc muôn đời lưu phương.*

Như bà Bùi Thị Xuân:

*Tướng Tây Sơn có một bà,
Bùi là nguyên họ, tên là Thị Xuân,
Tay bà thống đốc ba quân,
Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.*

Lịch sử có những nhân vật kiệt xuất là do đã
hết lòng vì quần chúng và được quần chúng hết lòng
ủng hộ.

Quần chúng chính là người làm nên lịch sử và người anh hùng đã thể hiện được ý chí, nguyện vọng và tài năng của quần chúng.

Miêu tả lịch sử, bao giờ Hồ Chủ tịch cũng miêu tả vai trò quần chúng như một lực lượng quyết định.

Thời Trần, dân tộc ta đã từng bị đội quân xâm lược hùng mạnh đến xâm lấn:

*Quân Nguyên binh giỏi, tướng tài:
Đánh đâu được đấy, đông dài Á, Âu
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thủy,
Hải quân theo bển kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như nen.*

Nhưng:

*Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm, hợp lực mấy phen đuổi Tàu.*

Người anh hùng Trần Hưng Đạo đã tổ chức được sức mạnh đó và phát huy tài năng, trí tuệ của quần chúng "Dùng mưu du kích", làm nên những chiến thắng rực rỡ:

Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh.

Người anh hùng Lê Lợi tiến hành cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, ban đầu gặp những khó khăn không nhỏ,

nhưng vẫn kiên trì. Mặc dầu tướng ít, binh đơn, nhưng lòng không nản, đã làm nên chiến thắng oanh liệt:

*Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm yên ngựa Bắc, Nam ngang tàng.*

*Kìa Túy Động, nọ Chi Lăng,
Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.*

*Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.*

Và yếu tố quyết định chiến thắng chính là:

*Vì dân hăng hái kết đoàn,
Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.*

Người anh hùng Nguyễn Huệ, tuy là nhân vật "phi thường", "chí cả, mưu cao", nhưng mấy lần đánh tan được giặc ngoại xâm cũng là nhờ sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân:

*Ông đà chí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.*

*Cho nên Tàu dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.*

Trân trọng những anh hùng có công lao đuổi giặc cứu dân:

*Anh hùng thay ông Lý Bôn,
Tài kiêm văn võ, sức hơn muôn người,
Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài.
Lập nên triều Lý sáu mươi năm liền.*

Hay:

*Ngô Quyền quê ở Đường Lâm,
Cứu dân ra khỏi cát lầm ngàn năm.*

Hoặc:

*Lê Đại Hành nối lên ngôi.
Đánh tan quân Tống, đuổi lui Xiêm Thành.*

Hồ Chủ tịch còn trân trọng những nhân vật có nhiều công lao mở mang kinh tế, văn hoá nước nhà, như:

*Công Uân là kẻ phi thường,
Dựng lên nhà Lý cầm quyền nước ta.
Mở mang văn hoá nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.*

Như Lê Thánh Tông:

*Vua hiền có Lê Thánh Tông,
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.*

Lịch sử có những nhân vật kiệt xuất vì dân, vì nước mà thành công, nhưng cũng có những con người xót thương nhân dân cực khổ, đứng ra đuổi giặc cứu nước mà vẫn thất bại, bởi lẽ chưa tổ chức được quần chúng:

*Thương dân cực khổ xót xa,
Ông Mai Hắc Đế đứng ra đánh Tàu,
Vì dân đoàn kết chưa sâu,
Cho nên thất bại trước sau mấy lần.*

Bên cạnh việc ca ngợi những gương yêu nước, Hồ Chủ tịch còn nghiêm khắc phê phán những hành động ngu hèn để đất nước rơi vào cảnh lầm than:

*Vì Lý Phật Tử ngu hèn,
Để cho Tàu lại xâm quyền nước ta.*

Nhưng Người tập trung vào việc lên án nghiêm khắc hành vi "công rắn cắn gà", tội "rước voi dày mả" của Gia Long, kẻ đã đẩy can qua chống lại Tây Sơn, nhưng đã:

Bị Tây Sơn đuổi, chạy ra nước ngoài.

Thế mà:

*Tự mình đã chẳng có tài,
Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
Nay ta nước mất thế này,
Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà,
Khác gì công rắn cắn gà,
Rước voi dày mả, thật là ngu si.*

Để dẫn đến hậu quả:

*Từ năm Tân Hợi trở đi,
Tây đà gây chuyện thị phi với mình.*
Người kết tội danh thép toàn bộ chế độ vua quan:
*Nay ta nước mất, nhà tan
Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.*

Để cho gót chân kẻ thù lần lượt giày xéo lên đất nước:

*Hăm lăm năm sau trận này,
Trung Kỳ cũng mất, Bắc Kỳ cũng tan.*

Ngòi bút của Người trong đoạn thơ này không giấu nổi nỗi đau thương, sự căm giận:

*Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua nhà Nguyễn đem hàng cho Tây!
Tội kia càng đắp càng đầy,
Sự tình càng nghi càng cay đắng lòng.*

Kể chuyện lịch sử mấy ngàn năm, Hồ Chủ tịch đặc biệt chú trọng đến lịch sử chống Pháp của nhân dân ta. Đó là cuộc chiến đấu liên tục không ngừng nghỉ.

Trong buổi đầu chống Pháp đã có những gương "Tiết nghĩa rạng cùng tuyết sương" như Hoàng Diệu, gương "cùng thành còn mất" như Nguyễn Tri Phương.

Tiếp sau đó là những cuộc khởi nghĩa ngày càng dồn dập, phát cao:

Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lấy lừng.

Lần lượt từ Phan Đình Phùng, Tán Thuật, Hoàng Hoa Thám đến anh em binh lính "khố đỏ", "khố xanh", "tại Hà thành năm xưa" tiếp đến các cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, Sầm Nưa, Yên Bái, Nghệ An, gần nhất là Nam Kỳ và "*Bắc Sơn đỏ, Đô Lương đây*":

Kéo cờ khởi nghĩa, đánh Tây bạo tàn.

Rõ ràng, lịch sử Việt Nam là lịch sử của một dân tộc anh hùng:

*Nhiều phen đánh Bắc dẹp Đông,
Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên.*

Khơi dậy lòng tự hào dân tộc và nỗi đau mất nước, tập thơ hướng người đọc, người nghe nhìn nhận một tình thế, một thời cơ vô cùng thuận lợi: Pháp mất thuộc địa, Nhật mới vào, chiến tranh đang diễn ra phức tạp:

*Ấy là nhịp tốt cho ta,
Nổi lên khôi phục nước nhà tổ tông.*

Điều kiện quyết định sự thành công là:

*Người chúng ít, người mình đông
Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên.*

Đây là tập thơ viết cho quảng đại quần chúng, nên không những gọn, "dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ...", vì đó là câu chuyện lịch sử thân thương và oai hùng, oanh liệt, mà còn rất gần gũi với những truyện Nôm quen thuộc về âm điệu, từ ngữ, kết cấu và xây dựng tính cách: cũng đều anh hùng kiệt xuất nhưng ông cha ta mỗi người một vẻ. Cuốn phim lịch sử quay có trình tự, làm nổi bật những cảnh chiến thắng hoành tráng như:

*Mênh mông một dải Bạch Đằng,
Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh.*

Hay là:

Mấy phen sông Nhị núi Lam,

Thanh gươm yên ngựa Bắc, Nam ngang tàng.

Kìa Tuý Động, nọ Chi Lăng,

Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.

Tập thơ "*Lịch sử nước ta*" cũng có thể coi như "*Đại Nam quốc sử diễn ca*" hiện đại mang một nội dung rất mới mẻ.

Ba năm sau, "*Bài ca Việt Minh*" của đồng chí Xuân Thuỷ có những đoạn đã phát triển những vẻ đẹp của "*Lịch sử nước ta*".

Báo "*Việt Nam độc lập*" số 117 ngày 1.2.1942 có bài xã luận "*Dân ta phải biết sử ta*", kêu gọi độc giả và quần chúng cần hiểu biết lịch sử, chú ý đến những bài học lịch sử, và nói rõ thêm một số điểm trong tập thơ "*Lịch sử nước ta*", như: "Bình dân như ông Lê Lợi và Nguyễn Huệ đã đánh đuổi quân Tàu xâm lược làm cho nước ta độc lập. Người già như ông Lý Thường Kiệt quá 70 tuổi mà vẫn đánh đông dẹp bắc bao nhiêu lần đuổi giặc cứu dân".

Khi nói đến Gia Long, bài xã luận vẫn chứa chất nổi cảm giận chua xót:

"Vì muốn giành làm vua mà Gia Long đem bán nước cho Tây. Thế là giang san gấm vóc tan tác tiêu điều, con Lạc cháu Hồng bức làm trâu ngựa".

Bài xã luận nhấn mạnh đến nhiệm vụ đoàn kết:

"Đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi dưới ngọn cờ Việt Minh để đánh đuổi Tây Nhật, khôi phục lại độc lập tự do".

Tiếp theo “*Lịch sử nước ta*”, Hồ Chủ tịch còn viết *Địa dư nước ta* gồm địa dư 28 tỉnh, gọi lên một dải non sông giàu có, đất rộng, người đông hứa hẹn một tương lai tươi đẹp.

Sự hiểu biết tường tận, cụ thể về địa lý cũng như sự hiểu biết sâu rộng của Hồ Chủ tịch thể hiện tấm lòng thiết tha yêu quê hương, đất nước của Người.

Sự hiểu biết và tấm lòng ấy đã biểu hiện rất rõ qua nhiều tác phẩm như văn chính luận, truyện và ký... của Người viết từ những năm 20 của thế kỷ 20.

Những lời thơ của Người trong thời kỳ này không những có tác dụng về tình cảm mà còn có tác dụng trực tiếp nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ văn hoá của quần chúng, đáp ứng những nhiệm vụ tuyên truyền, huấn luyện của mặt trận Việt Minh lúc đó.

Thơ ca tuyên truyền chính sách, thơ ca về lịch sử và địa lý của Hồ Chủ tịch dù viết cho quảng đại quần chúng vẫn thể hiện tài năng, trí tưởng tượng phong phú của Người:

Phi a u - ắc thật cao,

Hơn hai ngàn thước xông xao một lòng.

Sông to thì có Bằng Giang,

Xe Lao, Trà Lĩnh chạy ngang hai dòng.

Sông Bắc Vọng nước mênh mông,

Quang Sơn uốn khúc chạy cong về Tàu.

Thơ ca của Hồ Chủ tịch là cả tấm lòng và niềm tin, tuy có gọi nổi đau mất nước nhưng bao giờ cũng rạng

sáng khung cảnh rực rỡ của ngày mai. Vàng trắng đẹp, nhóm lửa hồng, bóng cờ sao, mặt trời đỏ, một nhành mai, dòng suối trong, nụ cười tươi... bao trùm xuyên suốt các bài ca.

Rõ ràng, dù là tuyên truyền hay trữ tình, thơ ca của Người bao giờ cũng thể hiện "trí tuệ và cảm xúc chỉ là một... giữa con người chung và con người riêng không có cánh cửa bí mật"⁽¹⁹⁾.

Chúng ta hiểu thơ ca của Hồ Chủ tịch trong thời kỳ này phản ánh rất rõ tinh thần nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, đồng thời thể hiện cụ thể nội dung bức thư gọn gàng, súc tích của Người viết ngày 6.6.1941, ngay sau hội nghị gửi đồng bào toàn quốc.

Bức thư có đoạn viết:

"Hỡi đồng bào! Hãy noi gương vĩ đại của dân Tàu, tổ chức những hội cứu quốc chống Pháp, chống Nhật.

Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các bậc hiền huynh chí sĩ! Mong các ngài noi gương phụ lão đời nhà Trần trước họa giặc Nguyên xâm lấn, đã nhiệt liệt hô hào con em tham gia sự nghiệp cứu quốc...".

Nhân dân các dân tộc Việt Bắc có vinh dự lớn lao được đọc thư và thơ ca của Người sớm hơn toàn quốc.

⁽¹⁹⁾ Nguyên văn câu của luật sư Phan Nhuận, một kiều bào yêu nước ở Pháp trong lời giới thiệu bản dịch tập *Nhật ký trong tù* ra tiếng Pháp: "Ở những con người như Chủ tịch Hồ Chí Minh, cảm xúc và trí tuệ chỉ là một. Giữa con người chung và con người riêng, không có cánh cửa bí mật".

Thơ Người toả sáng khắp nơi, khơi dậy một sinh khí mới trong đời sống tinh thần của quần chúng và một sinh khí mới trong bản thân phong trào thơ ca.

Thơ ca năm 1941 còn kịp thời ca ngợi những sự kiện mới. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23.11.1940 nhưng chưa có điều kiện in hình bóng đầy đủ trong thơ ca. Ngày 19.5.1941, trên báo *Việt Nam độc lập*, bài *Cờ đỏ sao vàng*, gồm 24 câu, tập trung miêu tả, ca ngợi sự kiện này bằng những vần thơ khoẻ khoắn, tràn đầy ánh sáng của niềm tin:

*Lúc Tổ quốc đương gặp cơn gió bụi
Vẻ vang thay lá cờ đỏ, ngôi sao
Đỏ là màu nhiệt huyết của đồng bào
Rần rạt lại nên phong trào giải phóng
Nó tràn khắp cả ba kỳ rất chóng
Nó cuốn theo toàn quốc nhân dân.
...
Đỏ là dòng anh hùng của dân ta
Nó là cờ của Việt Nam độc lập
Sao năm cánh đã từng bừng rọi khắp
Không chỗ nào là không chiếu tới nơi.*

Vẻ đẹp của cờ đỏ ngôi sao hiện lên rực rỡ qua nhiều bài ca:

*Đồng tâm hiệp lực
Đề phát ngọn cờ đào
Kéo ngọn cờ đào
Giữa có ngôi sao
Lên cho cao...*

KHUYÊN ĐỒNG BÀO

Báo Việt Nam độc lập,
số ra ngày 21.10.1941.

và sáng chói khắp thơ ca từ năm 1941 trở đi. Khai bút đầu xuân năm 1942, Hồ Chủ tịch chúc:

Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!

Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!

Chúc toàn quốc ta trong năm này,

Cờ đỏ sao vàng bay phất phới!

CHÚC NĂM MỚI

Báo Việt Nam độc lập,
số ra ngày 1.1.1942.

Bóng "Cờ đỏ sao vàng bay phất phới" và "tràn khắp cả ba kỳ rất chóng" là điểm sáng của niềm tin.

Cũng trong năm 1941, cùng tiếp thu tinh thần, nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, thơ ca tại khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai có những sắc thái riêng do hiện thực cách mạng có những nét khác biệt với khu căn cứ địa Cao Bằng. Từ cuối năm 1940, kẻ thù đã chống trả quyết liệt cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.

Sang năm 1941, chúng mở một trận càn vào vùng Bắc Sơn với mục đích chặn đường các đồng chí Trung ương đi dự Hội nghị lần thứ 8 về xuôi và tiêu diệt lực lượng Cứu quốc quân và phong trào cách mạng ở Bắc Sơn - Võ Nhai"⁽²⁰⁾.

Quân địch chuyển cuộc càn quét xuống Võ Nhai. Tại đây đã diễn ra cuộc chiến tranh du kích, ròng rã trong 8 tháng (từ tháng 7.1941 đến tháng 2.1942).

Những biến đổi lớn lao tại Lạng Sơn, Bắc Sơn - Võ Nhai, từ cuối mùa thu năm 1940 đã ít nhiều được phản ánh qua các bài của các đồng chí hồi đó hoạt động tại căn cứ này, tiêu biểu là những bài của các đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Đó là những bài động viên quần chúng, trước hết là đội du kích Bắc Sơn, tiếp sau là các cán bộ và chiến sĩ Cứu quốc quân nhận rõ tình hình và bộ mặt kẻ thù, tiếp tục phát huy khí thế khởi nghĩa.

Dưới hình thức nhấn nhủ của bức thư gửi, hoặc dưới hình thức kể chuyện bằng thơ ca, các bài thường dẫn chuyện từ xa, bắt đầu điểm sự biến đổi của cục diện chiến tranh thế giới:

Gửi mấy vần thơ cùng chúng bạn

Nhấn nhủ nhiều người đôi ba câu

Ngước mắt nhìn qua khắp thế gian

Như một ván cờ đang bày trận.

⁽²⁰⁾ *Cách mạng tháng Tám (1945)*, sđd, tr.32.

*Nhìn sang châu Âu hai năm nay
Giặc Đức lòng dạ hiểm độc thay
Lúc đầu đe dọa tới nước Áo
Nước Áo sợ hãi xin quy phục
Thấy những nước nhỏ không đủ sức
Được thế chúng nó càng làm càn.
Vừa đây đã chiếm xong Ba Lan
Tức khắc dồn dập đánh nước Pháp
Đồng minh Anh - Pháp ngỡ vững chắc
Nó đánh vài ngày đã ngã gục.*

(tạm dịch)

NHẮN NHỦ NHIỀU NGƯỜI

(thơ Hoàng Văn Thụ)

Những địa danh như Lạng Sơn, Nam Quan, Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Đồng Mỏ, Tràng Xá, Võ Nhai, Diêm He, Thoát Lãng... được các tác giả nhắc tới với tất cả nỗi đau thương, căm giận.

Các bài ca đã kịp thời vạch trần những hành động của cả hai kẻ thù cướp nước, kêu gọi mọi người "Muốn thoát cảnh khổ đau, chỉ có cùng nhau theo cách mạng".

Hiện nay, còn rất nhiều người thuộc lòng những bài này.

Trong lúc đương thời, có nhiều người còn mê hoặc chiêu bài "Đại Đông Á" của phát xít Nhật thì các chiến sĩ, cán bộ và quần chúng cách mạng đã sớm nhận rõ kẻ

thù. Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc, kể từ khi Nhật vào Đông Dương, đều tập trung mũi nhọn vào hai kẻ thù chính. Điều kiện thực tế dễ dễ nhìn nhận là vô cùng quan trọng, nhưng chủ yếu là do ánh sáng tư tưởng của Đảng soi rọi.

4. Chặng đường 1942

Sang năm 1942, thơ ca phản ánh những nét mới của tình hình, mở đầu là bài thơ *Chúc năm mới* đầy tin tưởng của Hồ Chủ tịch. Mặc dầu cục diện chiến tranh đang diễn biến phức tạp, Người vẫn tin tưởng chắc chắn rằng: "*Phe xâm lược sẽ diệt vong*", và "*Phe dân chủ sẽ thắng lợi*".

Chiến tranh ở Thái Bình Dương diễn ra phức tạp từ ngày 8.12.1941. Phát xít Nhật mở cuộc tiến công mới bất thành linh đánh quân Mỹ ở Trân Châu Cảng, chính thức tuyên chiến với Anh - Mỹ. Sự việc tất yếu diễn ra, đúng như dự đoán của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng ta.

Cùng với các bài xã luận, những vần thơ đăng trên báo *Việt Nam độc lập* đầu năm 1942 liên tiếp nhắc nhở mọi người:

Đừng thấy Nhật thắng mà lo,

Rồi ra chúng sẽ thua to sợ gì.

(1.4.1942)

Hay là:

Thử xem sau cuộc chiến tranh,

Thế nào Nhật cũng tan tành tả tơi.

(24. 4.1942)

Chiến tranh ở châu Âu cũng đang ở thời kỳ ác liệt. Đúng như Hội nghị Trung ương đã dự đoán, ngày 22.6.1941, Hít-le bội ước, đem quân tấn công Liên Xô. Một cuộc độ sức nổ ra giữa hai chế độ đối kháng.

Đầu năm 1942, bài *Nga Đức chiến tranh*, đăng trên báo *Việt Nam độc lập* ngày 21.2.1942, đã miêu tả cuộc độ sức đó và khẳng định lại sự thất bại tất yếu của phát xít Đức:

Ngờ đâu Nga thật anh hùng,

Đánh cho quân Đức chạy không có đường.

Đến mùa đông tuyết sương như trút

Quân Đức thì cổ rụt, tay rung

Nga thì càng đánh càng hung

Càng lâu càng mạnh, càng xung, càng bền.

Khi Đức tiến, tiến lên như sóng

Khi Đức lùi, lùi chổng như sa

Rồi đây Đức chắc thua Nga

Nga mà thắng Đức thì ta có phần.

Sóng dân chủ sẽ tràn thế giới

Các nước đều tiến tới "bình dân".

Từ một niềm tin đó, bài thơ *Chinh phụ ngâm* (của người vợ Đức) đăng trên báo ngày 10.3.1942 đã vận

dụng tài hoa âm điệu *Chinh phụ ngâm* (của Đoàn Thị Điểm), miêu tả tâm trạng bi thảm của một người đàn bà Đức có chồng bị đẩy vào cuộc chiến tranh phi nghĩa, tuyệt vọng:

*Tàu Nga vùn vụt bay qua
Kinh thiên động địa, bom sa đầy thành
Phía đông thành, tan tành xưởng máy
Phía tây thành, ùn cháy cửa nhà
Bá Linh có tiếng phồn hoa
Xưa kia lầu các, nay là đồng tro
Thiếp khuyên chàng càng lo, càng tính
Tính hôm nay, chàng tránh nơi nao?
Ra miền Các - kếp cao cao
Hay miền Đỗ - nét đi vào sâu sâu
Miền cao cao bom ào ào nổ
Miền sâu sâu tăng rộ rộ theo
Hong quân tiến tới hò reo
Quân chàng đã trốn khỏi đèo Vát - ma.*

Thơ ca đã phản ánh sắc sảo, chính xác sự chuyển biến của tình hình thế giới, đồng thời cũng thể hiện lời chúc đầu xuân của Hồ Chủ tịch là "*phe xâm lược sẽ diệt vong*", "*phe dân chủ sẽ thắng lợi*" nhưng Người còn chúc "*đồng bào ta đoàn kết mau*", "*Việt Minh ta càng tiến tới*".

Năm 1942, phong trào Việt Minh trong khu căn cứ địa phát triển hết sức mạnh mẽ cùng với phong trào toàn quốc.

Báo *Việt Nam độc lập* ra ngày 11.11.1942, đã nhiệt liệt chào mừng Châu Việt Minh Đ. Rừng (tức huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng hiện nay):

*Theo tia sáng sao vàng chói lọi,
Châu này không thẹn với giang san.
Thật là một buổi vẻ vang
Là buổi thành lập Việt Minh Đ. Rừng
Toàn dân reo tiếng mừng tay vỗ
Tám chục năm mới có hôm nay.*

Lời chúc năm mới của Hồ Chủ tịch đã thành hiện thực. Thơ ca năm 1942 tiếp tục nhắc nhở các nhiệm vụ: chăm sản xuất để ủng hộ cách mạng, giữ bí mật, tập tự vệ, vận động binh lính...

Hai bài ca của đồng chí Lê Quảng Ba là *Thân chị em ta* (Đang mở nhìn rà) và *Trăng sáng trong* (Hai rừng quang) theo điệu dân ca vùng biên giới được truyền đi rất nhanh trong các tỉnh ở Việt Bắc, đến nay vẫn được nhiều người ưa thích. Bài ca gợi được tâm tư, nguyện vọng thầm kín của quần chúng nhất là phụ nữ đương thời, lại giàu âm điệu, giàu hình tượng nên phổ cập rộng.

Cùng năm 1942, nhà thơ Nông Quốc Chấn viết bài thơ *Mưa gió* (Phân lôm) thể hiện cảm xúc sôi nổi,

say sưa đôi với cách mạng của người thanh niên mới lớn lên.

Hình tượng ít nhiều mang tính chất ước lệ, nhưng phong phú và sáng đẹp:

*Hùm báo gọi nhau đi kiếm ăn từng lũ
Chim muông bay nháy để gìn giữ chim muông
Mặc gió, mặc mưa, chúng ta đừng hoảng hốt
Ngày mai trời nắng sông núi sẽ huy hoàng.*

5. Chặng đường 1943 - 1944

Sang năm 1943 rồi 1944, tiếp tục đà khoẻ khoắn của các năm 1941, 1942, trước tình hình Chiến tranh thế giới có chuyển biến lớn và tình hình cách mạng trong nước ngày một dâng cao, thơ ca phản ánh kịp thời hiện thực mới.

Khai bút đầu xuân năm 1943, một đồng chí cấp cao tin tưởng:

*Đông Á chắc rồi Tàu thắng Nhật
Tây Âu nhất định Đức thua Nga
Nhân dân các nước đều vùng dậy
Cách mệnh nhiều nơi sẽ nổ ra.*

MỪNG XUÂN NĂM 1943

Quả thật, đến tháng 2.1943, tại mặt trận Xta-lin-grat, quân đội Xô Viết đã tiêu diệt 33 vạn quân phát xít Hít-le. Đến tháng 11.1943, Liên Xô đã lấy lại gần hai

phần ba đất đai bị Đức chiếm đóng.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc chống phát xít Nhật cũng giành được nhiều thắng lợi trong giai đoạn cầm cự.

Qua những bài thơ *Hít-le cầu nguyện* (đăng trên báo ngày 1.6.1943), *Vịnh Hít-le* (ngày 11.6.1943), *Mặt trận thứ hai đã mở* (ngày 5.7.1944), *Vịnh Đông Điều từ chức* (20.8.1944) và các bài của một số tác giả khuyết danh viết như: *Hồng quân Nga* (đăng trên báo ngày 21.11.1943), *Mút-xô-li-ni bị đánh đổ* (21.8.1943)... , chúng ta thấy hiện lên cuốn phim trung thành, sinh động về cục diện chiến tranh trong hai năm này, làm nổi bật bộ mặt thảm hại của những tên trùm phát xít đã và đang đến ngày tận số:

*Bắt ngay họ Mút đem giam
Diệt trừ phát xít mang nền bình dân.
Thế là hết một tên phát xít
Thế là xong một kiếp vô lương
Hít-le mất bạn đau thương
Đông Điều sợ hãi hết đường múa may.
Họ Mút đã đến ngày vong diệt
Bọn Hít, Đông cùng chết đến nơi
Hoàn cầu vang tiếng hát cười
Dân Nam ta cùng đợi ngày tuốt gươm.*

MÚT-XÔ-LI-NI BỊ ĐÁNH ĐỔ

Báo Việt Nam độc lập,
số 172, ngày 21.8.1943

đồng thời khắc họa sức mạnh của Hồng quân Liên Xô:

*Nga Tổ quốc cách mệnh
Bỗng bị Đức tấn công
Nga quyết tâm đánh lại
Không để Đức cuồng ngông*

.....

*Trên bức thành đồng đỏ
Phấp phới lá cờ hồng
Đức đụng đầu vào đó
Thì đầu nát như bông*

HỒNG QUÂN NGA

Báo Việt Nam độc lập, số 159,
ngày 21.11.1943

Thơ ca tiếp tục phản ánh không khí sôi nổi của quần chúng.

Nhân dân các dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng của Đảng tiên phong ngày càng hiểu rõ âm mưu chia rẽ của địch, đang xiết chặt tay nhau đánh đuổi thù chung.

*Đáp tiếng gọi hàng ngàn người dậy
Quyết phen này cùng dấy, dấy lên
Thổ, Nùng, Mán Trắng, Mán Tiên
Phá rào chia rẽ, kết liên tin thần
Hoan nghênh các dân tộc liên hiệp.*

Báo Việt Nam độc lập,
số 170, ngày 1.8.1943

Phong trào quần chúng lớn mạnh là nguồn cảm xúc dồi dào của các đồng chí trực tiếp phụ trách phong trào các tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Đồng chí Hoàng Đức Thạc hồi đó là Bí thư liên tỉnh đã viết một loạt thơ ca.

Bài *Sửa soạn vũ trang khởi nghĩa* đăng trên báo ngày 11.7.1943 được quần chúng thuộc mau:

Khắp gầm trời đạn vang, bom nổ

Nhật bắt đầu sụp đổ mọi nơi

Ngày giải phóng tức thời đến đó

Nào chúng ta: già trẻ, tráng niên

Mau sửa soạn vũ trang khởi nghĩa.

(tạm dịch)

Trong tháng 2.1943, một sự kiện quan trọng là cuộc họp tại Lũng Hoài (Hoà An, Cao Bằng) của các đồng chí lãnh đạo hai căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng trao đổi kinh nghiệm xây dựng mặt trận, xây dựng lực lượng vũ trang, quyết định kế hoạch mở rộng phong trào cách mạng để nối liền hai căn cứ địa, phát triển dần xuống trung du và đồng bằng để kết hợp với phong trào toàn quốc.

Cảm động, sung sướng, tin tưởng trước những gương mặt tươi sáng của những người thanh niên các dân tộc trong đội "*Xung phong Nam tiến*" chuẩn bị lên đường, đồng chí Cao Hồng Lãnh mến tặng một số bài thơ ca:

Trong những đêm đông lạnh lẽo

Kìa ai yên giấc êm đêm

*Còn anh chân không giày, mình thiếu áo
Bên đông lửa, ngồi suốt đêm.*

*Tôi không quên đâu anh em Nam tiến
Tinh thần đấu tranh của anh
Nó đã sâu vào trái tim tôi
Tôi không quên đâu
Tôi không quên đâu.*

Khoảng tháng 4 và tháng 5.1943, với sự giúp đỡ của Trung ương, Tỉnh uỷ và Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng đã tổ chức các cuộc thăm hỏi, kiểm tra phong trào (hội đó gọi là "Thượng cấp tuần thị") khắp các châu nhằm động viên phong trào.

Các cuộc triển lãm về tội ác của đế quốc và gương chiến đấu hy sinh của các chiến sĩ cách mạng, các cuộc "liên hoan dân tộc" được tổ chức nhiều nơi... để thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc tới dự.

Thơ ca kịp thời chào mừng những sinh hoạt hết sức đẹp đẽ:

*Cuộc tổ chức các dân liên hiệp
Của tỉnh Cao đã kết thúc rồi
Tiếng hoan hô vang khắp nơi
Hãy còn vang dội giục người tiến lên
Các dân tộc cứ liên hiệp mãi
Đoàn kết thêm họp lại cho đông
Rồi đây cùng phát cờ hồng*

Cùng nhau xây dựng non sông

Nước Nam giàu mạnh sánh cùng thế gian

HOAN NGHÊNH DÂN TỘC LIÊN HIỆP

Phong trào cách mạng sôi nổi, rầm rộ trong các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang đang “trở thành một kho thuốc súng nổ”⁽²¹⁾ thì kẻ thù hoảng sợ trước phong trào, bắt đầu tiến hành cuộc khủng bố quy mô và cực kỳ tàn bạo.

Dũng khí không hề giảm, người cách mạng nhìn nhận đây là hành động của những kẻ đã cùng đường:

Chó chạy đã cùng đường

Quay cổ lại cắn, sủa

Tây Nhật đã cùng đường

Phải giã tay khủng bố.

CA CHỐNG KHỦNG BỐ

Báo Việt Nam độc lập, số 167,

ngày 1.7.1943

Người cách mạng đã chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh, hiểu rất rõ mưu sâu của địch:

Mặc dù của hết nhà tan,

Miền sao khôi phục giang san nước nhà.

Mưu này độc ác không vừa,

Nhưng ta nào có mắc lừa mưu gian.

⁽²¹⁾ *Từ nhận dân mà ra*, Võ Nguyên Giáp, Nxb. Quân đội nhân dân, 1964 tr.104.

*Chống khủng bố muôn vàn khổ cực
Vì non sông ta dốc một niềm.*

CA CHỐNG KHỦNG BỐ

Báo Việt Nam độc lập, số 192,
ngày 15. 6.1944

Trong cuộc khủng bố kéo dài, kẻ thù đã sát hại một số cán bộ, vốn quý của phong trào.

Năm 1943, một đồng chí đau lòng "*Khóc đồng chí Hồng Việt*" (báo Việt Nam độc lập, ngày 1.3.1943).

Năm 1944, đồng chí Nông Quốc Chấn xót xa "*Khóc đồng chí Bằng*".

Tấm lòng của kẻ còn đối với người khuất thật là thấm thiết, đầy xót xa, thương tiếc.

Súng sốt đột ngột:

"Tin đâu như sét đánh ngang trời"

KHÓC ĐỒNG CHÍ HỒNG VIỆT

"Bỗng đâu như sét đánh ngang tai"

KHÓC ĐỒNG CHÍ BẰNG

Sự mất mát trong cuộc đấu tranh là khó tránh khỏi, nhưng sự hy sinh cũng là việc hoàn thành trách nhiệm:

Trách nhiệm đồng chí thế là xong

Để tiếng ngàn thu với núi sông

Núi Oóc treo cao gương nghĩa liệt

Sông Bằng rền mãi tiếng anh hùng.

KHÓC ĐỒNG CHÍ HỒNG VIỆT

Đoàn thể thiết vắng một con người, nhưng tình thế không hề thay đổi, trái lại sống cách mạng sẽ dâng cao:

*Đoàn thể từ nay vắng tiếng anh
Nhưng bao đồng chí vẫn tung hoành
Mối thù bằng máu đòi trả máu
Vui chúng rồi, ta cách mạng thành.*

KHÓC ĐỒNG CHÍ BẰNG
(tác giả tự dịch)

Cái nhìn của những người cách mạng thật là lạc quan, xuất phát từ một niềm tin khoa học.

Trong những năm này, trước nhu cầu giữ gìn và phát triển phong trào cách mạng, đoàn thể cần cử một số đến giúp các địa phương, thường gọi là "cán bộ chuyên môn".

Thơ ca tập trung vào việc động viên những người cán bộ tạm thời thoát ly gia đình làm nghĩa vụ vinh quang đó. Đồng chí H. H viết bài *Cõi tiên* (báo *Việt Nam độc lập*, ngày 11.1.1943), *Chia buồn cùng hai đồng chí* (báo *Việt Nam độc lập*, ngày 21.1.1943)... Đồng chí Bác Vọng viết *Xem trăng nhớ bạn* (báo *Việt Nam độc lập*, ngày 1.9.1943). Một số tác giả khuyết danh viết *Tặng cán bộ chuyên môn* (báo *Việt Nam độc lập*, ngày 21.12.1943), *Con sắp đi chuyên môn nói với mẹ* (báo *Việt Nam độc lập*, ngày 15.2.1943), *Bức lệ thư* (báo *Việt Nam độc lập*, ngày 11.6.1943).

Thơ ca cảm thông với tình thương, nỗi nhớ của những người không quen xa gia đình, đồng thời, phản

ánh niêm vui sướng của những người đã "Nặng lòng đoàn thể nhẹ tình thân gia":

*Người cách mạng phải xa nhà cửa
Xa mẹ cha, xa vợ, xa con
Loanh quanh đỉnh núi, sườn non
Ăn sương nằm gió, khổ còn ai hơn?
Nhưng nghĩ đến giang sơn tan nát
Nghĩ đồng bào trôi dạt điêu linh
Cho nên vì nước quên mình
Nặng lòng đoàn thể, nhẹ tình thân gia.
Vui vì thấy dân ta giác ngộ
Vui vì tròn nghĩa vụ làm dân
Vui vì giải phóng tới gần
Lòng vui cảm thấy đời trần hơn tiên.*

CÔI TIÊN

Nhà thơ Bàn Tài Đoàn, được sự khuyến khích của đồng chí Võ Nguyên Giáp, đã mạnh dạn tập làm thơ. Những tập thơ đầu tay làm trong năm 1944 chân thành, mộc mạc đã dự báo một tâm hồn thơ phong phú, đẹp đẽ, trên những chặng đường 30 năm sau.

Ân cần, chu đáo, anh "dặn vợ, dặn con" lên đường làm nhiệm vụ của người cán bộ thoát ly.

Nhớ lại những ngày mỗi người còn ở phía đông, phía tây của dãy núi cao, nào ngờ đất trời xoay chuyển thành đôi vợ chồng, nhưng đất nước gặp buổi đau thương, hai người như đôi ngỗng phải xa nhau.

Ra đi vì nhiệm vụ cứu nước, nhà thơ tin tưởng một ngày bóng thù sẽ tan và trở về sum họp, bây giờ thì:

*Em khắc ở nhà trông con nhỏ
Khắc trông con nhỏ sống cuộc đời
Khó khăn em khắc chịu gánh lấy
Trời sáng sớm dậy đi làm nương.*

Anh dặn vợ ít, nhưng dặn con nhiều:

*Mẹ bảo điều gì, nghe theo mẹ
Đừng làm trái ý, mẹ phiền lòng
Giờ đây bố không được ở nhà
Bố đi cứu nước đánh Nhật, Tây
Đánh giặc cứu nước để ta ở
Không ở nhà cùng mẹ trông con
Con lớn lên hãy đi theo bố
Theo bố đi cứu nước Việt Nam
Vác cây nào lấy vườn vũng chắc
Trồng lấy rau quả ăn đời đời.*

(tác giả tự dịch)

Một cuộc tiễn đưa, nhưng tiễn đưa thật đầm ấm, có những nụ cười hiền hoà, ánh mắt triu mến.

Ánh sáng tư tưởng của Đảng soi rọi những tâm hồn trong sáng trên các rẻo cao.

Thơ ca đã phản ánh mối quan hệ riêng chung tốt đẹp và nói chung thơ ca trong năm 1943, 1944 đã làm tốt nhiệm vụ của mình.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945 đã xuất hiện những dấu hiệu của một cuộc chuyển biến lớn: Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu bước vào giai đoạn kết thúc. Quân đội Xô Viết anh hùng tiến như vũ bão về phía Bec-lin, sào huyệt cuối cùng của chủ nghĩa phát xít Đức.

Những tiên đoán thiên tài của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, từ tháng 5.1941, đã ngày càng được chứng minh hùng hồn. Trên cơ sở phân tích sâu sắc nguồn gốc và triển vọng của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, Hội nghị sáng suốt nhận định rằng, phe Đồng minh chống phát xít, mà Liên Xô là trụ cột, nhất định sẽ thắng lợi, phe phát xít nhất định sẽ bại: *"Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã đẻ ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa thì cuộc chiến tranh đế quốc lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, do đó mà cách mạng nhiều nước thành công"*⁽²²⁾.

6. Chặng đường 1945

Bước vào xuân 1945, một khí thế hào hùng, sôi nổi tràn ngập trong thơ ca.

Chào mừng năm 1945, báo *Việt Nam độc lập* vẫn giữ lệ thường, chúc tết và dự đoán tình hình:

⁽²²⁾ Văn kiện Đảng 1939 - 1945, sdd, tr.80.

Một nghìn chín trăm bốn năm
Là năm thắng lợi là năm vui mừng
Của phe dân chủ Đồng minh
Của người yêu chuộng hoà bình các nơi
Phát xít bị đập tơi bời
Hít-le thất bại phải lùi tứ tung.
Đông Âu Xô Viết tung hoành
Phía Nam tiến lấy kinh thành xứ Hung
Phía Bắc rồi sẽ tấn công
Đánh vào Đông Phổ, chạy vòng Na-uy
Ở Đông, chú Nhật cũng nguy
Bị thua mấy trận ở Phi hoảng hồn
Điện Điện cũng khó bảo tồn
Đông Kinh cũng bị ném bom nhiều lần
Thiệt mất phần ba hải quân
Hết đường nói thách, nói thần như xưa
Phát xít nhất định phải thua.
Một điều khẳng định chắc chắn:
Một nghìn chín trăm bốn năm,
Là năm giải quyết chiến tranh toàn cầu.
(ngày 5.1.1945)

Tiếp theo Tết Dương lịch, đến Tết Âm lịch, toà báo lại tiếp tục chúc:

Tết năm mới, nhà báo xin chúc:

Chúc Đồng minh đánh "Trục" tan thân

Bốn phương Nam Bắc, Đông Tây

Trên nền máu lửa chóng xây hoà bình

Chúc Liên Xô hùng binh mạnh tướng

Nhằm Bá Linh thuận hướng đến mau

Chúc Anh, Mỹ tại Tây Âu

Nhanh chân nhẹ bước tiến sâu thêm vào

Chúc Trung Hoa anh hào kháng chiến

Chóng đến ngày toàn diện phản công.

Tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 thật là sáng ngời: "Vận mệnh của các dân tộc Đông Dương gắn liền với vận mệnh của Liên Xô, đồng thời cũng gắn liền với cách mạng Trung Quốc"⁽²³⁾.

Chúc Liên Xô, Trung Quốc, toà báo chúc đồng bào:

Chúc xong thế giới đó đây

"Việt Nam độc lập" chúc ngay đồng bào

Chúc năm nay không sao khủng bố

Sự kết đoàn củng cố hơn xưa

Vũ trang đón lấy thời cơ

Đứng lên giết giặc trao cờ tự do.

⁽²³⁾ Cách mạng tháng Tám (1945), sđd, tr. 24

Thời cơ mà phong trào cách mạng Xô Viết Nghệ - Tĩnh 1930 - 1931 chưa có được thì hơn 10 năm sau mới tới.

Khi phong trào Xô Viết sôi sục khắp nơi, thơ ca Xô Viết kêu gọi quần chúng nhất tề đứng dậy đem gan vàng chọi với đạn sắt: "*Bên kia đạn sắt, bên ta gan vàng*", nhưng chúng ta một mặt vẫn quan niệm đó chỉ là phong trào chính trị chứ chưa phải là cuộc chiến đấu quân sự, một cuộc chiến đấu bằng vũ lực, vì thời cơ vẫn chưa đến:

Làm cho chúng không đường an nghỉ

Đến thời cơ, ta sẽ dùng binh.

BÀI CA CỔ ĐỘNG PHONG TRÀO
DIỄN YÊN QUỲNH

Một bài ca do Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ Nghệ An làm ra để uốn nắn phong trào, có nhắc nhở:

Nay chưa phải cái thời chinh chiến

Phải tính sao lợi tiện mọi đường⁽²⁴⁾.

Chưa có thể dự tính được tháng, năm cụ thể nhưng tin tưởng dứt khoát là thời cơ sẽ đến là thể hiện cái nhìn rất cách mạng của những người làm thơ ca Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Thời cơ vận động, biến chuyển một cách khách quan. Nhưng nhận rõ được thời cơ và thúc đẩy những

⁽²⁴⁾ *Xô Viết Nghệ - Tĩnh qua một số thơ văn*, Lê Trọng Khánh và Lê Anh, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.125.

điều kiện của thời cơ tiến nhanh phải có những “con mắt thần chủ nghĩa”, những “con mắt Bạch Đằng, con mắt Đống Đa”.

Thơ ca cách mạng Việt Bắc trong thời kỳ này đều tập trung vào chủ đề *“vũ trang đón lấy thời cơ”*.

Thời cơ mà cục diện chiến tranh và phong trào cách mạng thế giới diễn biến có lợi cho “phong trào cách mạng Đông Dương có thể bỗng chốc tiến lên bằng những bước nhảy cao”⁽²⁵⁾. Bước nhảy cao ấy tuy có tranh thủ những điều kiện khách quan, nhưng muốn tranh thủ được cách mạng Việt Nam “dựa vào sức mình là chính, không nên ỷ lại vào bên ngoài” và “phải ra sức phấn đấu để tạo ra những điều kiện chủ quan cần thiết cho thắng lợi đó”⁽²⁶⁾.

Thơ ca không lúc nào quên được tinh thần cơ bản đó:

*Vậy ta phải chóng kết đoàn
Cùng nhau giành lại bình quyền, tự do
Nếu chúng ta không lo, không tính
Chỉ khoanh tay chờ thánh, chờ thành
Đến khi nhịp tốt xa gần
Ta không có sức xoay vần thì sao?
Hỡi toàn quốc đồng bào đứng dậy*

⁽²⁵⁾ Văn kiện Đảng 1939 - 1945, sđd, tr.385.

⁽²⁶⁾ Cách mạng tháng Tám (1945), sđd, tr.133.

Ai ai cùng nắm lấy tay nhau.

NGA ĐỨC CHIẾN TRANH

(21.2.1942)

“*Nhịp tốt xa gần*” tiên đoán từ mấy năm trước đến năm 1945 đã được đầy đủ. “*Sức xoay vần*” bấy lâu chuẩn bị giờ đã đủ sức. Thơ ca từ mấy năm trước theo sát bóng cờ của Hồng quân Liên Xô, giờ đây chờ đón giờ phút “*Nhằm Bá Linh thuận hướng đến mau*”. Thơ ca từ mấy năm trước đã khẳng định sự tuyệt vọng của phát xít, giờ đây cất cao tiếng cười:

Ôi Hít-le ôi! Hết kiếp rồi!

Vấy vùng nhảy múa nữa hay thôi

Muốn đem vũ trụ xoay ngang dọc

Đến nổi thanh danh lộn ngược xuôi.

KHÓC HÍT-LE

Báo Việt Nam độc lập, số 218,

ngày 21.5.1945

Sự chuyển biến của tình hình thế giới càng khuyến khích phong trào cách mạng trong nước tiến lên như nước vỡ bờ.

Sự thay đổi của quân dân ở căn cứ địa ngày càng rộng lớn dẫn đến sự thành lập đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22.12.1944 theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch với những chiến thắng liên tiếp tiêu diệt gọn hai đồn Phay Khắt (24.12.1944) và Nà Ngần (25.12.1944), ghi vào những trang sử trăm trận trăm thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng những chiến công đầu tiên.

Chiến thắng giòn giã đó làm cho kẻ thù hết sức bối rối. Ngày 26.1.1945, chúng huy động 200 lính khố đỏ và pháo binh bao vây, nã đại bác vào Lũng Hoàng - một trung tâm của căn cứ địa Cao Bằng - song đã bị quân dân ta chống trả quyết liệt và buộc chúng phải rút chạy.

Thơ ca ghi nhanh những dòng cảm xúc hết sức sảng khoái:

*Núi Lũng Hoàng, sông Se Lao,
Nghìn thu ghi tạc anh hào Việt Minh.
Mặc dù đại bác liên thanh,
Làm quân phát xít hoảng kinh hai lần.
Hỡi người chiến sĩ xa gần,
Đứng lên học lấy tinh thần đấu tranh.*

LŨNG HOÀNG CHIẾN THẮNG

Báo Việt Nam độc lập, số 204,
ngày 2.2.1945

Chiến thắng Lũng Hoàng ngày 13 tháng chạp âm lịch đã làm cho những ngày Tết cổ truyền của dân tộc thêm nhiều ý nghĩa.

Trên đà phấn khởi, thơ ca tiếp tục kêu gọi:

*Đồng bào tỉnh dậy mau mau
Để kịp cơ hội nghìn thu phen này.*

...

Hỡi tất cả trẻ già trai gái

*Khắp thành thị cùng với hương thôn
Nghìn viên chức, lính trong đồn
Cùng nhau hợp sức kết đoàn cho đông.*

MẤY LỜI KÊU GỌI DÂN CHÚNG

*Báo Việt Nam độc lập, số 207,
ngày 4.3.1945*

Trong những ngày Tết cổ truyền năm Ất Dậu, người cán bộ trong rừng sâu thấy lòng thanh thản, nhẹ nhàng, chờ đón một ngày mới:

*Người ta ăn Tết ở nhà,
Mình đây ăn Tết tận xa ngoài rừng.
Tết người kẻ cũng vui mừng,
Tết mình, Tết ở trong rừng cũng vui.*

...

*Tết người ta ở với vợ con
Tết mình Tết cả linh hồn Việt Minh
Tết người chúc thọ, chúc vinh
Tết mình chỉ chúc chiến tranh mau rồi.*

TẾT BÍ MẬT

(thơ Dương Công Hoạt)

Thấy rõ sức lớn mạnh của phong trào cách mạng, kẻ thù cùng quân dự định vào mùa xuân năm 1945 sẽ mở một cuộc càn quét lớn với quyết tâm tiêu diệt căn cứ địa Cao Bằng, nhưng đã muộn. Cuộc đảo chính của phát xít Nhật nổ ra ngày 9.3.1945 đã chấm dứt vai trò

thống trị của đế quốc Pháp ở Đông Dương, và cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới: *Thời kỳ cao trào chống Nhật, cứu nước.*

Thơ ca hồi hã báo tin mới:

Bằng! Bằng! Bằng!

Tiếng súng nổ vang Trung, Nam, Bắc

Năm xứ, quân Nhật chiếm một lần

Toàn quyền Đờ-cu bị chúng bắt

Xong đời tôi tớ của Pê-tanh!

Xong đời lũ buôn dân, bán nước!

Thơ ca phân tích nguồn gốc của cuộc đảo chính, kịp thời vạch bộ mặt ghê tởm của Nhật, kêu gọi những người Pháp yêu chuộng tự do hãy hợp tác chống Nhật:

Hỡi người Pháp yêu chuộng tự do!

Hỡi người Pháp thật lòng chống Nhật!

Muốn một mai sung sướng, ấm no

Hãy cùng ta bắt tay thân mật

Chống phát xít cho đến kỳ cùng

Giải phóng cho cả hai dân tộc.

XONG ĐỜI BỘ MÁY THỐNG TRỊ ĐỜ-CU

Báo Việt Nam độc lập, số 208,

ngày 13.3.1945

Tinh thần của bản chỉ thị lịch sử ngày 12.3.1945: "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng họp đúng

vào lúc cuộc đảo chính bắt đầu, được truyền đi rất nhanh.

Cùng với toàn quốc, các trung tâm căn cứ địa ở Việt Bắc bước vào một thời kỳ vô cùng sôi nổi, vô cùng hào hứng, thời kỳ liên tiếp nổ ra các cuộc khởi nghĩa từng phần, thành lập chính quyền cách mạng địa phương, mở rộng căn cứ địa, tiến lên thành lập khu giải phóng, tích cực khẩn trương chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Thơ ca tập trung chia sẻ mũi nhọn vào một kẻ thù trước mắt:

*Đồng bào mau đứng dậy ngay
Lo toan cứu nước khỏi tay giặc lùn
Bây giờ quân giặc héo mòn
Thế cô, sức kiệt, đường cùng lâm nguy
Ta đánh khi chúng đã suy
Thắng lợi nhất định thôi tùy ở ta.*

CẢNH DÂN VIỆT NAM
Báo Việt Nam độc lập, số 222,
ngày 10.7.1945

Trong hoàn cảnh "Thế cô, sức kiệt, đường cùng", phát xít Nhật vẫn quyết tâm chống trả cách mạng.

Thơ ca phải tập trung vào việc giục giã mọi người "*Tiến ra chiến trường*".

Một phong trào ca hát sôi nổi hơn bao giờ hết trong quân chúng, trong đội quân giải phóng, trong trường quân chính kháng Nhật:

*Làn gió giải phóng đã tới, tràn lan năm châu
Nào hăng hái một lòng mau cùng chiến đấu
Giết cho tan quân thù phát xít chiếm nước ta
Cùng dân chúng dắt tay lên đường giải phóng
Tự do, cờ hồng phấp phới đang tung bay
Tiếng súng reo cùng giục lòng nhanh bước.*

(10.5.1945)

Giải phóng quân đã trở thành một danh từ hấp dẫn trong đời sống chính trị và trong thơ ca:

*Tiếng tăm của "Giải phóng quân"
Đánh giặc đã giỏi giúp dân lại nhiều
Đến đâu dân chúng đều yêu
Hết lòng giúp đỡ, hết điều chăm nom
Bảo nhau tiền gó, gạo gom
Gói "quà" giải phóng hết lòng hy sinh
"Giải phóng quân" thật quang vinh*

ĐỘI QUÂN GIẢI PHÓNG TÀI GIỎI

Báo Việt Nam độc lập, số 223,
ngày 20.7.1945

Thơ ca xông xáo đi khắp nơi, phản ánh một phần công cuộc đánh Nhật, giành lấy chính quyền sôi nổi diễn ra trên khắp khu giải phóng:

*Gióng cờ, nổi trống, nổi chiêng
Xông lên cướp lại chính quyền về ta*

*Việt Minh cờ thắm như hoa
Lán Năm, Phấn Mẽ kéo ra Khuôn Lình
Bản cũng nhập đồng tình
Trên vây, dưới đánh, Nhật hàng mình mới nghe.*

CỤ TRƯỞNG (1945)

Ta lại gặp bóng cờ, tiếng trống, tiếng chiêng... trong thơ ca Xô Viết Nghệ - Tĩnh và trong thơ ca của Tố Hữu qua bài *Bà má Hậu Giang*, phản ánh, ca ngợi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Nhưng tình hình giờ đây đã khác hẳn rồi, cuộc nổi dậy của toàn quốc đã đến ngày toàn thắng, buộc quân thù phải gục xuống: "*Trên vây, dưới đánh, Nhật hàng mình mới nghe*".

Thơ ca chính thức báo tin vui và giục giã mọi người đoạt cho kỳ được thắng lợi hoàn toàn:

*Chính phủ phát xít Nhật Hoàng
Đã vô điều kiện đầu hàng Đồng minh
Thế là kết thúc chiến tranh
Á châu rồi sẽ thái bình từ nay!
Hỡi dân Nam Việt ta đây
Trong tình hình ấy làm ngay việc cần
Việt Minh hiệu triệu toàn dân
Lập ngay chính phủ nhân dân của mình.*

CƯỚP NGAY CHÍNH QUYỀN

Báo Việt Nam độc lập,

ngày 20.8.1945

Chính quyền nhân dân các cấp đã được thành lập,
nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời:

Ngọn cờ độc lập nêu cao

Thi hành dân chủ, đồng bào tự do

Hạnh phúc, bình yên, ấm no!

B. Làm tốt thiên chức của mình

Thơ ca cách mạng tại căn cứ địa Việt Bắc trước Cách mạng tháng Tám cùng với thơ ca cách mạng toàn quốc đã làm tốt nhiệm vụ của mình, góp phần giác ngộ động viên quần chúng nhân dân trên những chặng đường thực hiện ý chí của Đảng và Hồ Chủ tịch: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"⁽²⁷⁾.

Trên đây, chúng tôi đã có gắng trình bày lịch sử thơ ca gắn liền với lịch sử cách mạng trên cơ sở tư liệu đã dày công thu thập, đặc biệt cố gắng tìm hiểu ánh sáng tư tưởng của Đảng thông qua những chủ trương, nghị quyết trong thời kỳ đã soi rọi tới thơ ca, và đến lượt mình, tiếp thu ánh sáng tư tưởng của Đảng, thơ ca đã cố gắng làm được những nhiệm vụ gì trong từng thời kỳ.

Sẽ là một đòi hỏi quá đáng nếu ta yêu cầu thơ ca cách mạng, yêu cầu những người cầm súng thính

⁽²⁷⁾ Lời Hồ Chủ tịch, trích *Từ nhân dân mà ra*, Võ Nguyên Giáp, sđd.

thoảng mới tranh thủ cầm bút, ghi lại được đầy đủ mọi sự kiện lịch sử.

Phải có thời gian và nhiều điều kiện khác, nhưng thời gian và điều kiện khác ấy cũng chỉ để làm sáng rạn gương mặt lịch sử. Lịch sử ông cha có biết bao trang chói lọi, nhưng thơ ca trong xã hội cũ nào đã ghi được mấy.

Một "*Bình Ngô đại cáo*" quý giá biết chừng nào.

Trong một thời gian rất ngắn, tiếp thu ánh sáng của Đảng, thơ ca cách mạng ở Việt Bắc đã ghi được khá trung thành hiện thực của căn cứ địa cách mạng và một phần đất nước, rộng ra là hiện thực thế giới đang xung đột quyết liệt và biến chuyển mau lẹ, lạ thường, làm tốt được chức năng giáo dục quần chúng của mình.

III. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI QUA THƠ CA CÁCH MẠNG

Trong phần vừa qua, khi điểm lại nhiệm vụ thơ ca gắn liền với những nhiệm vụ chính trị, chúng ta đã thấy được gương mặt đất nước và con người qua năm tháng chiến đấu.

Tổng hoà lại, chúng ta thấy được đất nước hiện lên nhiều vẻ, nhiều màu.

Một dải non sông từ Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang thật là xinh tươi, hùng vĩ, trù phú...

Non nước Cao Bằng tươi đẹp nhường bao!

Núi cao "*hùng vĩ*" suối mát, trăng đẹp, "*mặt trời đỏ*"
những "*nhàn mai*", ánh lửa hồng và "*Trên đồi cỏ mọc
xanh xanh, Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa*".

Non nước luôn luôn hoà hợp "Non xa xa, nước xa xa":

Phi a u-ắc thật cao

Hơn hai ngàn thước xông xao một hàng

Sông to thì có Bằng Giang

Xe Lao, Trà Lĩnh chạy ngang hai dòng

Sông Bắc Vọng nước menh mông

Quang Sơn uốn khúc chạy cong về Tàu.

(thơ Hồ Chủ tịch)

Non nước tuy vậy có lúc cũng giữ phần "*bí mật*",
phù trợ những con người "*vì nước quên mình*", "*Nặng
lòng đoàn thể nhẹ tình thân gia*":

Núi cao, cao ngất từng mây

Đá lô xô mọc cỏ cây rậm rì

Vịn mỏm đá lên vòng quanh mãi

Càng lên cao thì lại càng xa

Lưng trời chót vót một toà

Hoa che, lá phủ đây là cõi tiên.

Non nước Hà Giang hiện lên một dải với Cao Bằng:

Núi cao vời vợi, suối khe rì rầm

Chân non cuộn cuộn sông Gâm.

(thơ Xuân Thuỷ)

Lạng Sơn và một phần Bắc Giang, Thái Nguyên
thật trù phú và bát ngát:

Ruộng nương hoa trái đầy đồi núi

Mỏ vàng, mỏ sắt xếp từng hàng.

...

Ruộng đồng tươi tốt rộng mênh mông

Trông thấu bốn phía khắp không gian

Bên phải tiếp giáp tận Sơn Tây

Thẳng xuống là đi tới Hải Phòng.

(tạm dịch)

(thơ Hoàng Văn Thụ)

Thái Nguyên, Tuyên Quang có:

Non nước cảnh Tân Trào

Bao nhiêu màu sắc, bao nhiêu vị.

Có Sông Công Thái Nguyên:

Chiếc thuyền xuôi ngược dải tràng giang

Ven bờ sóc nháy, chim ca hát

Đàn xuôi bao nhiêu khúc nhịp nhàng.

Có núi Guộc:

Đồi trọc, rừng xanh sẵn cửa nhà.

Có xóm Tân Cương Đồng Hỷ:

*Bỗng đâu tiếng hát tại xưởng chè
Ngây ngất men lòng khách mãi nghe.*

Núi rừng Thái Nguyên có bao màu sắc:

*Rừng xanh khoác áo hồng như lửa
Ngọc dát vàng tô vạm đoá hoa.*

(thơ Trần Huy Liệu)

Thiên nhiên vốn rất ưu đãi nhân dân các dân tộc Việt Bắc, nhưng dưới chế độ thống trị của Pháp rồi Nhật, cuộc sống của con người ở đây đầy cơ cực.

Nhân dân các dân tộc Việt Bắc chủ yếu là nông dân lao động. Bức tranh đậm nét nhất là nỗi thống khổ đọa đày của những người:

*Mỗi buổi mờ sương ra giữa đồng
Muối dãn ngoài trời khắp thân rúc.*

...

*Không vừa ý, chúng liền đốt đá
Mưa dầm, nắng gắt cũng phải làm
Nắng thiêu xuống mình đau nhức nhối.*

(thơ ca Hoàng Văn Thụ)

Cuộc sống chưa định cư của nhân dân rẻo cao cũng trăm điều cay đắng như nhân dân miền sơn cước.

Là người lao động của dân tộc Dao, nhà thơ Bàn Tài Đoàn hiểu rất rõ nỗi đói rách, u tối của dân tộc mình:

*Gieo trồng trên núi, không no đủ
Đói bụng, áo rách trăm đau khổ
Có người ốm đau không thuốc chữa
Sách chữ không biết, tối như mù
Như ngựa đeo yên, trâu đeo ách
Bao nổi nặng nhọc, tháo không ra.*

Trên nương rẫy, ở đỉnh non cao hay nơi ruộng đồng
trũng thấp bên khe núi, nhiều lúc người lao động không
còn biết kêu ai:

*Ngẩng đầu, kêu trời, trời không thấu
Cúi đầu, kêu đất, đất không hay.*

(thơ Bàn Tài Đoàn)

Hay là:

*Lúc đó nhìn cao, không thấy trời
Với tay cũng không chạm tới đất.*

(thơ Hoàng Văn Thụ)

Đói rách, ốm đau, bị dẫm đá lăn lóc giữa đồng
không... người lao động còn phải chịu bao nhiêu thứ đe
doạ khác. Sớm mai vừa rạng đã nghe tiếng quát đầu
nhà của tên lý trưởng:

Mày đi đâu rồi hở Ba

Hôm nay, sửa soạn để mà đi phu.

Người lao động chỉ còn biết khóc, khóc vì cảnh:

*Trong nhà, tay ít miệng nhiều
Ăn bữa sớm, lo bữa chiều đi vay
Một bày con đại trên tay.*

VỢ KẼ ĐI PHU
Báo Việt Nam độc lập,
ngày 1.5.1942

Đi phu là tai hoạ thường xuyên của đồng bào miền núi. Và văn thơ yêu nước đầu thế kỷ 20 cũng đã lớn tiếng tố cáo.

Khi Nhật vào Đông Dương thì tai hoạ này càng gay gắt hơn. Đồng chí Tố Hữu, đồng chí Lê Tất Đắc đã từng làm ca dao chống đi phu. Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc hầu như bài nào cũng nhắc đến phu phen, thuế má...

Trong "*Nói chuyện thơ kháng chiến*", nhà văn Hoài Thanh đã trích dẫn và phân tích những văn thơ mộc mạc của người du kích, trong đó có câu:

*Thế là Việt Nam ta độc lập rồi
Không còn phải đi phu nữa.*

Độc lập để khỏi phải đi phu, chúng ta hiểu người lao động thiết tha với độc lập, tự do biết chừng nào?

Đói khổ, đến cả tí muối ăn cũng không có:

Cả tí muối cũng còn cấm giữ.

Kẻ thù biết rõ muối là một nhu cầu lớn của đồng bào các dân tộc, nên thường dùng muối để mua chuộc bọn tay sai để chúng dẫn đi lùng bắt các đồng chí cách mạng.

Sau Cách mạng tháng Tám, nhà thơ Bàn Tài Đoàn đã nói lên niềm hân hoan của mình trước cảnh người cán bộ vượt mọi khó khăn mang muối từ miền xuôi xa xôi đến với đồng bào trên rẻo cao qua bài "*Muối cù Hồ*":

Một buổi sáng bình minh ấm áp

Nắng non rọi chiếu qua đầu làng

Anh tìm đến hỏi những người nghèo...

Muối ăn không có, dầu đèn thấp cũng không.

Cuộc sống cứ mù xám đi trong đêm trường hiu quạnh:

Tôi đến không có dầu đèn thấp

Mọi người có mắt cũng như không.

(thơ Hoàng Văn Thụ)

Cảm thông sâu sắc với nỗi thống khổ của người dân, vì trách nhiệm phát động lòng căm thù, những người làm thơ ca đã cung cấp cho chúng ta những bức tranh trung thành, hiện thực.

Cách mạng không để cho nhân dân các dân tộc lâm than như thế mãi. Do đó, từ trong tối tăm, quần quai, dưới sự lãnh đạo của Đảng, người dân đã biết vùng dậy.

Bức tranh chủ yếu trong thơ ca cách mạng không phải là cuộc sống lâm than mà là cuộc sống vùng dậy, vang tiếng trống, rộn tiếng chiêng, cao tiếng hát, sôi nổi tiếng hoan hô, rực rỡ bóng cờ sao:

Vừa lúc Tỉnh Việt Minh thành lập

Tiếng hoan hô vang khắp gần xa

Nào là trai gái, trẻ già

Người người hôn hở mừng ca vui cười.

MỪNG TỈNH BỘ VIỆT MINH THÀNH LẬP

Những con người trước đây có cái gì buồn buồn, tội
tội ấy giờ đây trở nên lạnh lợi lạ thường:

Cùng nhau vào hội, kết đoàn lại

Đẩy mạnh phong trào tiến lên mau

Từng nhà súng kíp cần có sẵn

Gạo nước muối dầu, giấu vào rừng

Chờ đến khi nào có tái chiến

Ta làm du kích đánh trong rừng

Thằng nào mật thám thì ta diệt

Quyết không để lọt lấy một tên

Thả hết cầu đường như chân gậy

Lúc đó Nhật Pháp nghĩ bí cùng

Ta nấp bụi bờ phục chỗ hiểm

Bao vây tiêu diệt chúng từng tên.

(tạm dịch từ tiếng Tày)

Từng đoàn người đã tiến thẳng vào dinh lũy của
chế độ thống trị:

Núi cao đường dốc quanh co

Trên ngàn sương trắng lơ xô bóng người

Áo chàm đeo súng hoả mai

Xăm xắm rẽ lối Mỏ Nhài tiến sang.

Một cuộc đổi thay lớn lao:

Hôm qua những kẻ dân làng

Vào quan, hai mắt đưa ngang ngại ngùng

Hôm nay họ đã anh hùng

Cầm dao vác súng đi lùng "cái quan".

TRẦN MỎ NHÀI

(thơ Xuân Thuỷ)

Nếu một người ngã xuống thì nghìn người khác
tiến lên:

Cụ Trương vừa ngã xuống rồi

Mỏ ta tất cả nghìn người tiến lên.

CỤ TRƯƠNG

Những con người ấy đã chống lại cuộc tàn quét quy
mô vào Lũng Hoàng:

Mặc dù đại bác, liên thanh

Làm quân phát xít hoảng kinh hai lần.

Gương mặt người nữ du kích, tự vệ rạng rỡ dưới
ánh trăng đẹp:

Suôi lâu in mặt trăng tròn

Hai cô gái Thổ trèo non đi tuần.

(thơ Lê Tất Đắc)

Những người phụ nữ:

Bạo hơn bạn gái thị thành

Áo quần gọn ghẽ tập tành như trai.

(thơ Cao Hồng Lãnh)

Những người phụ nữ không chịu thua trách nhiệm và tài năng:

*Tiếng súng tiêm cừu giục bốn phương
Tung thoi, rút kiếm vọt lên đường
Chị cười: "Ai cậy trai thời loạn?
Gái cũng tung hoành giữa gió sương"
Từ đây biên khu lửa ngất trời
Sóng hồ vùng dậy thét mây trời
Lời ca cứu quốc vang trong gió
Tiếng nữ anh hùng rộn bể khơi.*

TẶNG ĐỘI NỮ DU KÍCH HỒ BA BỂ

(thơ Phạm Văn Hảo)

Những con người cụ thể, sinh động dần dần xuất hiện trong thơ ca của đồng chí Lê Quảng Ba như: *Đồng chí Xuân Cát, Chị S, Má Thạch*.

Hình ảnh anh Giải phóng quân xuất hiện đầu tiên trong thơ ca cách mạng Việt Bắc với bản chất tốt đẹp của con em nhân dân các dân tộc:

*Đánh giặc đã giỏi giúp dân lại nhiều
Đến đâu dân chúng đều yêu
Hết lòng giúp đỡ hết điều chăm nom.*

Những bài thơ đầu tay của nhà thơ Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn đã cung cấp cho thơ ca những hình

tượng tự thân tiêu biểu cho cả một lớp người, hồn nhiên, trong sáng, giàu nhiệt tình, đầy tin tưởng.

Từ trong phong trào quần chúng, hình ảnh người chiến sĩ, cán bộ cách mạng hiện lên thật rõ rệt.

Qua bài thơ của mình, những lời tâm huyết nói với quần chúng, các chiến sĩ, cán bộ cách mạng đã thể hiện sự tận trung với nước, tận hiếu với dân. Dù không có điều kiện làm thơ ca, nhưng trước nhu cầu vận động, giác ngộ quần chúng, các đồng chí không ngần ngại nhiều về ngôn từ, kỹ thuật đã viết nên dòng thơ ca chân thành, tha thiết. "Thơ trước hết là tiếng nói của tình cảm" (Đặng Thai Mai).

Thơ trữ tình tâm sự hay thơ tuyên truyền, chính luận thì cũng thế. Trong thơ ca tuyên truyền, cảm xúc của tác giả luôn luôn phải hoà nhập với cảm xúc của quần chúng và nâng cảm xúc của quần chúng lên ngang tầm của hiện thực cách mạng.

Những người chiến sĩ, cán bộ cách mạng vui cái vui của quần chúng, đau nỗi đau của quần chúng, nhưng tầm mắt bao giờ cũng xa rộng hơn quần chúng, dõi theo sự chuyển bước mau lẹ của cách mạng thế giới và trong nước, luôn luôn nhìn rõ bộ mặt kẻ thù đang múa may, xoay lộn từ Âu sang Á, từ xa đến gần, luôn luôn phát hiện những tia sáng, đốm lửa trong giông tố, bão bùng, gieo vào quần chúng một niềm tin sắt đá trong những giờ phút khó khăn.

Những người chiến sĩ cách mạng hiểu rất rõ trách nhiệm giác ngộ quần chúng. Tiếng nói của mình có thể ví như tiếng "hùng kê", tiếng gà gáy trong sớm mai:

"Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng" (bài Nghe gà gáy của Hồ Chủ tịch trong tập "Nhật ký trong tù"):

*Gọi đời may có hùng kê
Canh khuya cất tiếng bốn bề dội vang
Muôn dân trong giấc mơ màng
Càng nghe, càng tỉnh, tỉnh càng lắng nghe
Phía đông ánh sáng lập lòe
Mặt trời vừa động, bánh xe bằng vàng
Làm cho muôn vật vẻ vang
Lìa đàng mờ tối, lên đàng quang vinh.*

GÀ GÁY

Báo *Việt Nam độc lập*, số 153,
ngày 21.02.1943

Có gì như một quan hệ mật thiết giữa nội dung hai bài thơ: một viết bằng tiếng Hán, một viết bằng tiếng Việt trong một thời gian không xa nhau nhưng trong một không gian khá xa nhau. Điều này có thể gợi ý cho ta những vấn đề thú vị, trước hết giúp ta củng cố nhận thức về vai trò của người cán bộ cách mạng, về vai trò của thơ ca tuyên truyền cổ động và nhân đó có thể hiểu thêm ý nghĩa công việc làm thơ ca tuyên truyền của Hồ Chủ tịch⁽²⁸⁾.

⁽²⁸⁾ Chúng tôi chưa dám khẳng định bài *Gà gáy* ký tên tác giả là A.B đăng trên báo *Việt Nam độc lập* ngày 2.2.1943 là của Hồ Chủ tịch, nhưng một số đồng chí hiểu biết về báo *Việt Nam độc*

Ít nhiều đều thuộc thơ ca yêu nước đầu thế kỷ 20, các chiến sĩ cách mạng đã học tập các chiến sĩ tiền bối về trách nhiệm làm thơ ca:

Đem những chuyện nhiệt tình ái quốc

Bảo một người tỉnh được một người

Dân lên từ một đến mười

Trăm, nghìn, vạn ức, ai ai tỉnh dân.

HẢI NGOẠI HUYẾT THU

(thơ Phan Bội Châu)

Nếu như “thơ ca cổ động thời đại (tức là đầu thế kỷ 20 - VC) khuyên nhủ người dân Việt Nam phải biết tự trọng, phải có ý thức làm chủ đất nước”⁽²⁹⁾ thì thơ ca cách mạng dưới ánh sáng tư tưởng của giai cấp vô sản, là kêu gọi quần chúng đánh đổ chế độ thống trị giành lại toàn vẹn đất nước.

Trong cuộc chiến đấu, có những chiến sĩ đã anh dũng hy sinh, nhưng “*thanh danh*” và *chí lớn không hề nản*” phẩm chất vẫn sáng ngời như viên ngọc quý, và:

Thân dẫu lao tù trong cảnh hiểm

Chí còn theo dõi buổi tung hoành.

(thơ Hoàng Văn Thụ)

lập hồi đó cho biết: Trước khi lên đường sang Trung Quốc công tác (8.1943), Người có để lại một số bài thơ sau đây tiếp.

⁽²⁹⁾ Đặng Thai Mai: *Văn thơ cách mạng đầu thế kỷ 20*, tr.83.

Hình ảnh những con người thân yêu, kính mến ấy
hiện lên thật cao đẹp qua những dòng thơ ca:

Mấy người chiến sĩ với nhân dân

Vì giống, vì nòi phải bỏ thân

Một tấm trung thành soi Nhật Nguyệt

Mấy phen oanh liệt rạng tinh thần

đồng chí Quý Quân

Đêm trước mít tinh ở đỉnh đồi

Nghe anh hàng xóm thấy lòng vui

Nhật Tây sẽ đỏ khi ta dậy

Đất nước sẽ lên ánh mặt trời

Bỗng đâu như sét đánh ngang tai

"Đồng chí của ta đã mất rồi"

Giặc cắt lấy đầu bêu các chợ

Đồng bào đau xót hận tràn sôi.

KHÓC ĐỒNG CHÍ

(thơ Nông Quốc Chấn

tác giả tự dịch)

Tâm tư, tấm lòng, cuộc sống... của các chiến sĩ, cán bộ cách mạng còn thể hiện khá phong phú qua nhiều thơ ca, hợp thành bức tranh hoàn chỉnh về những chiến sĩ, cán bộ trong một chặng đường cách mạng.

Tiếng súng khởi nghĩa ngày càng nổ rền khắp căn cứ địa, hoà cùng tiếng súng toàn quốc, giục giã những

chiến sĩ từ miền xuôi kíp nhanh gót chân lên góp phần
trách nhiệm và vinh dự:

*Cơn gió thổi tím bầm gan chiến sĩ
Ngọn lửa reo khôn dập lửa lòng ai
Súng biên cương đã nổ giục anh rồi
Trời tuy lạnh nhưng tim anh nóng hổi
Khuôn mặt tròn với bàn tay cứng cỏi
Xách làn mây, anh mạnh bước ra đi*

TIỀN BẠN ĐI CHIẾN KHU

(thơ Xuân Thuỷ
xuân năm 1945)

Trong khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, tươi thắm
và cuộc sống cách mạng rộn ràng, sôi nổi đó, nổi bật lên
hình ảnh Hồ Chủ tịch.

Gương mặt của Người sáng rực bên: "*Bàn đá chông
chên dịch sử Đảng*".

Tâm hồn của Người thanh thản trong sớm mai, bên
bờ suối, lúc chiều tối tạm nghỉ trong hang.

Tầm mắt của Người dõi theo chiều thênh thang của
non nước, chăm chú một nhánh mai.

Bước chân của Người dạo chơi trên một ngọn núi
cao.

Trái tim của Người hoà cùng nhịp với đất trời cao
rộng, rực rỡ một vầng dương, hay trong mát một vầng
trăng.

Nhưng bao trùm lên thơ ca là mối quan hệ giữa Người và quần chúng. Người cảm thông sâu sắc tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, ân cần nhắc nhở từ cụ già, em bé đến các tầng lớp công, nông, binh,... hãy nổi gót tổ tiên mà làm vẻ vang lịch sử, hãy dõi theo bóng cờ hồng mà tiến lên cuộc đời hạnh phúc.

IV. QUAN HỆ GIỮA THƠ VÀ CA

Thơ ca cách mạng ở Việt Nam trong trào lưu thơ ca toàn quốc thường có 3 loại:

Loại thơ ca chính luận: Nhằm yêu cầu phân tích tình hình xã hội, giải thích đường lối chính sách của Đảng và Mặt trận, phổ biến kinh nghiệm công tác. Loại này chiếm đa số.

Loại thơ ca tự sự: Tường thuật tỉ mỉ, có trình tự những sự kiện cách mạng, sự kiện lịch sử.

Loại thơ ca trữ tình: Thể hiện những cảm xúc trước những cảnh đẹp của núi non tươi thắm, những tâm sự của các chiến sĩ trong nhà tù, trong trại giam nổi lòng của cán bộ đi công tác cách mạng, tạm thời xa gia đình, niềm hân hoan trước một mùa xuân đầy hứa hẹn, nỗi đau xót được tin đồng chí hy sinh.

Ngoài ra, còn có loại thơ ca trào phúng, châm biếm những tên trùm phát xít, những tên quan lại và tay sai chống phá cách mạng.

Chất trữ tình in đậm nét trong nhiều thơ ca tuyên truyền, chính luận thể hiện tình cảm vui sướng, sáng

khoái của những người biết rất rõ ngày thắng lợi sắp tới, những người đã và sẽ thực sự làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước.

Rất nhiều những bài gần gũi, tiếp tục và phát huy thơ ca Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Ở những bài đó "nhiều khi các tác giả đều kết hợp được thành công tính hùng biện đanh thép của văn chính luận, cảm xúc thiết tha sôi nổi của thơ trữ tình và nghệ thuật tả thực mau lẹ các thể tự sự, tạo ra những bài thơ cổ động tác động mạch mẽ đến tình cảm và lý trí con người"⁽³⁰⁾.

Có những tiếp nối rõ ràng giữa thơ ca và cách mạng ở Việt Bắc và thơ ca Xô Viết Nghệ - Tĩnh, rộng ra là sự tiếp nối giữa thơ ca cách mạng ở Việt Bắc và thơ ca yêu nước cách mạng đầu thế kỷ 20, một trào lưu thơ ca *"Cần phải quyển dụ cảm tình của người đọc và đồng thời cũng phải thuyết phục lý tính của học văn chương phát triển theo phương hướng hùng biện"*⁽³¹⁾.

Các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Đình Gióng là những người có công truyền đạt, phổ biến thơ ca đầu thế kỷ 20, thơ ca cách mạng những chặng đường sau, tới nhân dân các dân tộc Việt Bắc⁽³²⁾.

⁽³⁰⁾ *Vài nét giới thiệu văn thơ Xô Viết Nghệ Tĩnh*, Nguyễn Đăng Mạnh, Tạp chí Văn học tháng 10.1966.

⁽³¹⁾ *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX (1900-1925)*, Đặng Thai Mai, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1961, tr.82.

⁽³²⁾ Hiện nay, chúng tôi còn tập hợp được một bản dịch của đồng chí Hoàng Đình Gióng từ tiếng phổ thông ra tiếng Tày.

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc không những thừa kế, phát huy thơ ca yêu nước, thơ ca yêu nước cách mạng toàn quốc về nội dung mà còn cả các hình thức, thể loại.

Tất cả cho cách mạng, cho hiệu quả tốt đẹp của thơ ca quần chúng là mục đích của những người sáng tác. Nhiều chiến sĩ, cán bộ thường đã cố gắng rất nhiều trong việc phân tích tình hình và nhiệm vụ bằng những lời lẽ thiết thực, cụ thể, gần gũi, gợi cảm bằng những hình ảnh so sánh, ví von sinh động nhằm khơi dậy ý chí đánh Pháp, đuổi Nhật của quần chúng.

Nhiều tác giả thường làm thơ và làm cả ca, mà Hồ Chủ tịch đã nêu gương sáng trong việc này.

Nhiều tác giả có lúc làm thơ ca bằng tiếng phổ thông, có lúc làm bằng tiếng các dân tộc. Hiện tượng này khá phổ biến, biểu hiện những tình cảm đẹp đẽ của những người cán bộ cách mạng.

Thơ ca tuyên truyền vận động cách mạng thường mang tính chất ca. Đó là nhu cầu và là quy luật của thơ ca cách mạng Việt Nam và nhiều nước trên thế giới. Nếu thơ ca Xô Viết Nghệ - Tĩnh thường khai thác những điệu hát dân gian như ví, dặm, hành văn... thì thơ ca cách mạng ở Việt Bắc cũng tận dụng các thể loại ca dân gian phổ biến như sli, lượn.

Thơ ca của các đồng chí Nông Quốc Chấn, Lê Quảng Ba... thường theo các thể ca khúc ở vùng biên giới, nhưng cũng có lúc theo các điệu bình bản, theo điệu Sluông ở vùng Đông Khê, Thất Khê thuộc tỉnh Cao Bằng.

Thơ ca bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thường theo thể thất ngôn, nhiều bài bằng tiếng phổ thông còn theo các thể lục bát, song thất lục bát và đôi bài thơ theo thể "tự do" nữa.

Một số bài của Hồ Chủ tịch đã vượt những khuôn khổ bình thường, như *Hòn đá*, *Ca du kích*, *Ca đội tự vệ*, vì đó là những bài ca mà trên báo *Việt Nam độc lập* có hướng dẫn cách ca.

Phong trào ca hát ngày càng sôi nổi, trong sinh hoạt văn hoá văn nghệ tập thể của quần chúng, nhất là của đội *Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân*, của trường Quân chính kháng Nhật, ngày càng xuất hiện nhiều các bản ca nhạc mới hoặc do các đồng chí chỉ huy trực tiếp sáng tác như bài *Phát cờ Nam tiến* của đồng chí Hoàng Văn Thái, hoặc do các nhạc sĩ từ các thành thị miền xuôi lên chiến khu phụ trách.

THAY LỜI KẾT

Văn học cách mạng - một bộ phận cách mạng - là một trào lưu văn học phát sinh, trưởng thành cùng với cách mạng, không những có tác dụng tích cực đương thời, ngày nay còn góp phần quan trọng vào việc giáo dục tư tưởng tình cảm.

Mặc dù có những hạn chế về nghệ thuật và đôi khi cả nội dung nữa, do những điều kiện khác nhau, thơ ca cách mạng tại căn cứ địa Việt Bắc có những nét rất tiêu biểu cho thơ ca thời kỳ trước khởi nghĩa toàn quốc, ghi

lại được hình ảnh đất nước và con người trên một chặng đường lịch sử, rộng ra là hình ảnh một thế giới trong biến chuyển mau lẹ, thể hiện những tư tưởng, tình cảm tiên tiến, cao đẹp, một niềm tin khoa học, vững chắc và đương thời đã "trở nên một thứ vũ khí tư tưởng phổ cập, linh hoạt, sắc bén nhất trong công tác vận động quần chúng vùng lên chiến đấu"⁽³³⁾.

"Việc sưu tầm thơ ca cách mạng là việc cấp thiết, nhưng sưu tầm có hệ thống là công việc công phu, cần nhiều người và nhiều thời gian; công tác ấy hiện nay đã được nhiều nhà nghiên cứu, nhiều tập thể nghiên cứu chú ý"⁽³⁴⁾.

Chúng tôi đã cố gắng đi theo hướng đó - hướng "sưu tầm có hệ thống" và cùng cố gắng mạnh dạn trình bày những suy nghĩ, thu hoạch còn rất sơ lược của mình theo hướng "có hệ thống" mong góp phần giúp các bạn có thêm những hiểu biết quý báu về Việt Bắc.

⁽³³⁾ *Mấy vấn đề về nền văn học các dân tộc thiểu số*, Nông Quốc Chấn, Tạp chí Văn học, tháng 10.1946, tr.39.

⁽³⁴⁾ Lời nói đầu của *Thơ ca cách mạng 1925 - 1945*, Hoàng Thị Dậu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.6.